

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Hòa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Hòa
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Hòa

Mã SV: 1412401291

Lớp: QT 1805K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng
Uông Bí

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập;
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- ✓ Sơu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2016 tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí

.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí
- Địa chỉ: số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh - phường Quang Trung –
Thành phố Uông Bí Tỉnh Quảng Ninh

.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Uông Bí

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10. năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Hòa

ThS. Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Lê Thị Nam Phương
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Phạm Thị Hòa Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Uông Bí
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Uông Bí

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Chăm chỉ, chịu khó sưu tầm số liệu phục vụ cho bài viết
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

- Chương 1 : tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp
- Chương 2 : sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Uông Bí, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ kế toán logic và hợp lý.
- Chương 3 : sau khi đánh giá được những ưu nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Uông Bí, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2019.

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	1
Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Uông Bí.	1
Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Uông Bí.....	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	3
1.1.1 Sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.3 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.1.3.1 Doanh thu	4
1.1.3.2 Chi phí.....	6
1.1.3.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	9
1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	9
1.2.1 Công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	9
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	10
1.2.2 Công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp	11
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2 Tài Khoản sử dụng	11
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	12

1.2.3 Công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp	13
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	17
1.2.4 Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp	19
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	19
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng	20
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	20
1.2.5 Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp	21
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	21
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	22
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	23
1.2.6 Công tác kế toán chi phí tài chính trong doanh nghiệp.....	24
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	24
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	24
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	25
1.2.7 Công tác kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp	26
1.2.7.1 Chứng từ sử dụng	26
1.2.7.2 Tài khoản sử dụng:	26
1.2.7.3 Phương pháp hạch toán	27
1.2.8 Công tác kế toán chi phí khác trong doanh nghiệp	28
1.2.8.3 Phương pháp hạch toán	29
1.2.9 Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	29
1.2.9.1 Chứng từ sử dụng	29
1.2.9.2 Tài khoản sử dụng	29
1.2.9.3 Phương pháp hạch toán	31
1.3 Một số điểm mới của Thông tư 133/2016/TT-BTC so với Quyết định 48/2006/ QĐ-BTC về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	32
1.4 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	34
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	34
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	35
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	36
1.4.5.Hình thức kế toán trên máy vi tính	37

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ.....	38
2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần (CP) đầu tư xây dựng Uông Bí	38
2.1.1 Giới thiệu khái quát về Công ty CP đầu tư xây dựng Uông Bí.....	38
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí.....	38
2.1.3 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	39
2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty	40
2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty.....	41
2.1.5.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	41
2.1.5.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty	43
2.1.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty CP	44
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP.....	45
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45
2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	45
2.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	45
2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty.....	45
2.2.1.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	45
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	50
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán	50
2.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	50
2.2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	50
2.2.3.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty.....	50
2.2.3.4 Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty.....	50
2.2.4 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh	56
2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	56
2.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	56
2.2.4.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty.....	56
2.2.4.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.....	56
2.2.5 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí hoạt động tài chính	62
2.2.5.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	62

2.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	62
2.2.5.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	62
2.2.5.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty	62
2.2.6 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác	69
2.2.7 Thực trạng công tác kế toán chi phí khác	69
2.2.8 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	69
2.2.9.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty	70
2.2.9.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty	70
2.2.9.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty	70
2.2.9.4 Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ	80
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí	80
3.1.1 Ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí	80
3.1.2 Nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí	81
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí	82
3.2.1 Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí	82
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí	83
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí	84
KẾT LUẬN	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	11
Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	13
Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)	18
Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai định kỳ)	19
Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	21
Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	23
Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí tài chính	25
Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập khác.....	27
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác.....	29
Sơ đồ 1.10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	31
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	34
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	35
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	36
Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	37
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Uông Bí....	40
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	42
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty	44
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp DV	46
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP	51
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty.....	56
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty.....	62
Sơ đồ 2.8 : Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh	70

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong ba năm gần đây	40
Biểu 2.2 – Hoá đơn GTGT số 0001876.....	47
Biểu 2.3 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	48
Biểu 2.4 Trích Sổ cái TK 511	49
Biểu 2.5 - Bảng giá trị vật tư thi công xây dựng.....	52
Biểu 2.6 – Phiếu kế toán số 26	53
Biểu 2.7 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	54
Biểu 2.8 Trích Sổ cái TK 632.....	55
Biểu 2.9 – Giấy đề nghị thanh toán	57
Biểu 2.10 – Hoá đơn GTGT số 0001876.....	58
Biểu 2.11 – Phiếu chi số 458	59
Biểu 2.12 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016	60
Biểu 2.13 Trích Sổ cái TK 642.....	61
Biểu 2.14 giấy báo Có	63
Biểu 2.15: phiếu chi 460.....	64
Biểu 2.16 giấy báo nợ.....	65
Biểu 2.17 Trích sổ Nhật ký chung năm 2018	66
Biểu 2.18 Trích Sổ cái TK 515.....	67
Biểu 2.19 Trích Sổ cái TK 635.....	68
Biểu 2.20 – Phiếu kế toán số 43	72
Biểu 2.21 – Phiếu kế toán số 44	72
Biểu 2.22 – Phiếu kế toán số 45	73
Biểu 2.23: Trích sổ Nhật ký chung năm 2018	75
Biểu 2.24 Trích Sổ cái TK 911.....	76
Biểu 2.25 Trích Sổ cái TK 821	77
Biểu 2.26 Trích Sổ cái TK 421.....	78
Biểu 2.27 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	79

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước từ cơ chế quản lý tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường. Để có thể tồn tại và phát triển trong cơ chế mới này đòi hỏi các doanh nghiệp phải năng động, sáng tạo và phải đặt vấn đề hiệu quả kinh doanh lên hàng đầu, bởi vì hạch toán kinh tế cổ nghĩa là lấy thu bù chi và phải đảm bảo có lãi. Quản lý kinh tế đảm bảo ra kết quả và hiệu quả cao nhất của một quá trình một giai đoạn và một hoạt động kinh doanh.

Với xu thế phát triển của xã hội và của nền kinh tế, việc quan tâm đến chi phí, doanh thu là vấn đề hàng đầu trong việc đảm bảo hiệu quả và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để có thể tồn tại và phát triển được trên thị trường, doanh nghiệp cần phải tính toán làm sao giảm được chi phí đến mức thấp nhất từ đó sẽ nâng cao được lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp mình. Công tác hạch toán chi phí, doanh thu là công tác vô cùng quan trọng đây là hoạt động kinh doanh chính, luôn gắn liền với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Từ những vai trò thực tế trên và qua quá trình tìm hiểu về công tác tổ chức kế toán tại công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Ưông Bí, em quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Ưông Bí”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Ưông Bí.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Ưông Bí.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của

Khóa luận tốt nghiệp

giáo viên hướng dẫn ThS.Lê Thị Nam Phương. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và nhân viên phòng Kế toán công ty Cổ Phần Đầu tư Xây Dựng Uông Bí đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1 Sự cần thiết tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Các doanh nghiệp hiện nay luôn băn khoăn lo lắng là:” Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh thi có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận?”. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá và xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: Việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Đối với nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.
- Đối với tổ chức trung gian tài chính: Đối với các Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính để đưa ra các quyết định có nên cho doanh nghiệp đó vay hay không.
- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế: Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó, các nhà hoạch định chính sách Quốc gia đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí, từ đó xác định kết quả kinh doanh
- Theo dõi thường xuyên, liên tục biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.
- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Xác định quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết để xây dựng những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Khái niệm: Là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kì kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Điều kiện ghi nhận và các hình thức tiêu thụ:

- Điều kiện ghi nhận:
 - ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- Các hình thức tiêu thụ:
 - ✓ Phương pháp bán hàng trực tiếp cho khách hàng.
 - ✓ Phương pháp bán hàng qua đại lý.
 - ✓ Phương pháp bán hàng trả chậm, trả góp.
 - ✓ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng
 - ✓ Phương thức hàng đổi hàng

b) Doanh thu hoạt động tài chính

- Khái niệm: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Điều kiện ghi nhận và cơ sở xác nhận định:

- Điều kiện ghi nhận:
 - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở
 - ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận

c) Các khoản giảm trừ doanh thu:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- **Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**

- + *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- + *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

- + *Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp* là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

d) Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.3.2 Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các loại chi phí:

a) Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là trị giá ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí mua phân bổ cho hàng hóa tiêu thụ.

b) Chi phí quản lý kinh doanh:

Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- ✓ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
- ✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:
 - Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
 - Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.
 - Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.
 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.
 - Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.
 - Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.
 - Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

c) Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

d) Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng)} = \text{Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành}$$

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1 Công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

Các chứng từ đi kèm làm căn cứ để kế toán hạch toán, ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, giấy báo có của ngân hàng, ủy nhiệm thu ...
- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có): Hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ,

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

-Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

thực tế của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ.

- Các TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

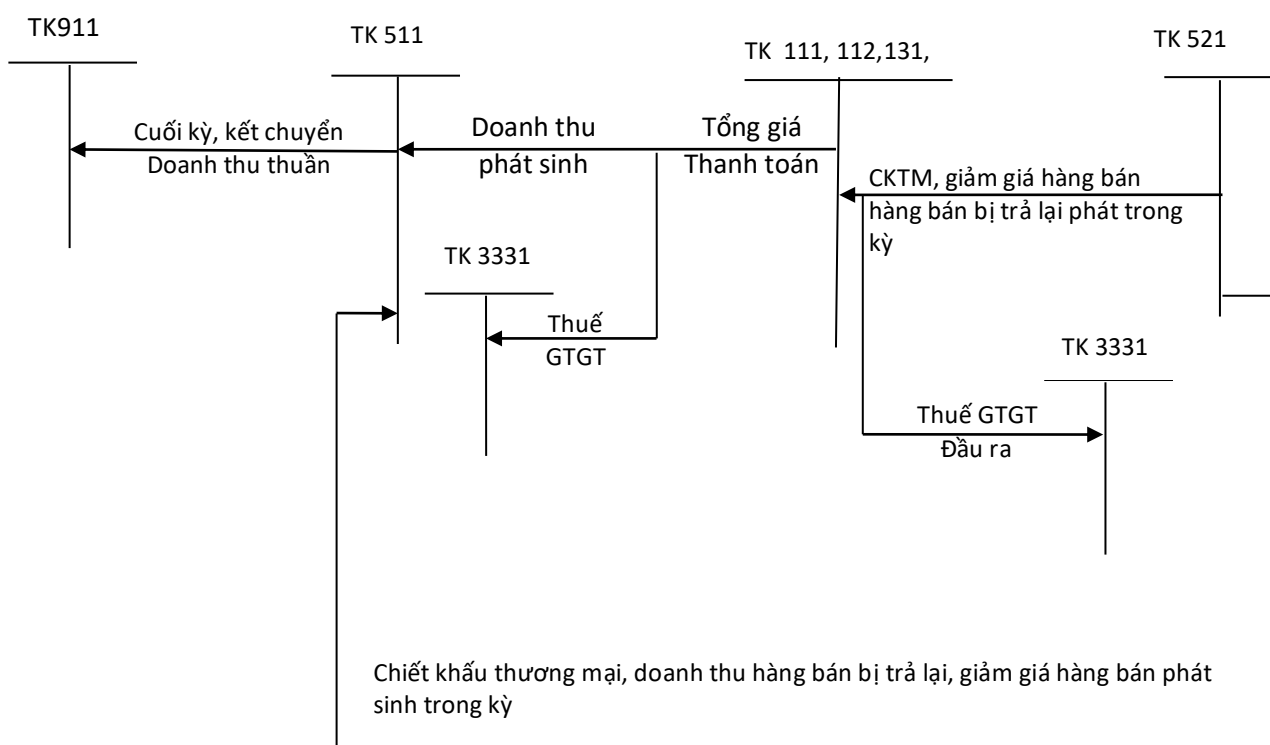
- Kết cấu của TK 511

Nợ	TK 511	Có
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ - Số thuế TTĐB, thuế NK phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911		- Tổng số doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

* Doanh thu bán hàng và cấp dịch vụ không có số dư cuối kỳ

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được khái quát qua sơ đồ 1.1:



Sơ đồ 1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

1.2.2 Công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Các chứng từ đi kèm làm căn cứ để kế toán hạch toán, ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có): Phiếu nhập, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ, ...

1.2.2.2 Tài Khoản sử dụng

➤ TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại, trị giá số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ
- TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK 5211 – Chiết khấu thương mại
 - TK 5212 – Hàng bán bị trả lại

- TK 5213 – *Giảm giá hàng bán*

➤ Ngoài ra, các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu còn có :

- TK 3331: Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp
- TK 3333: Thuế xuất khẩu
- TK 3332: Thuế tiêu thu đặc biệt

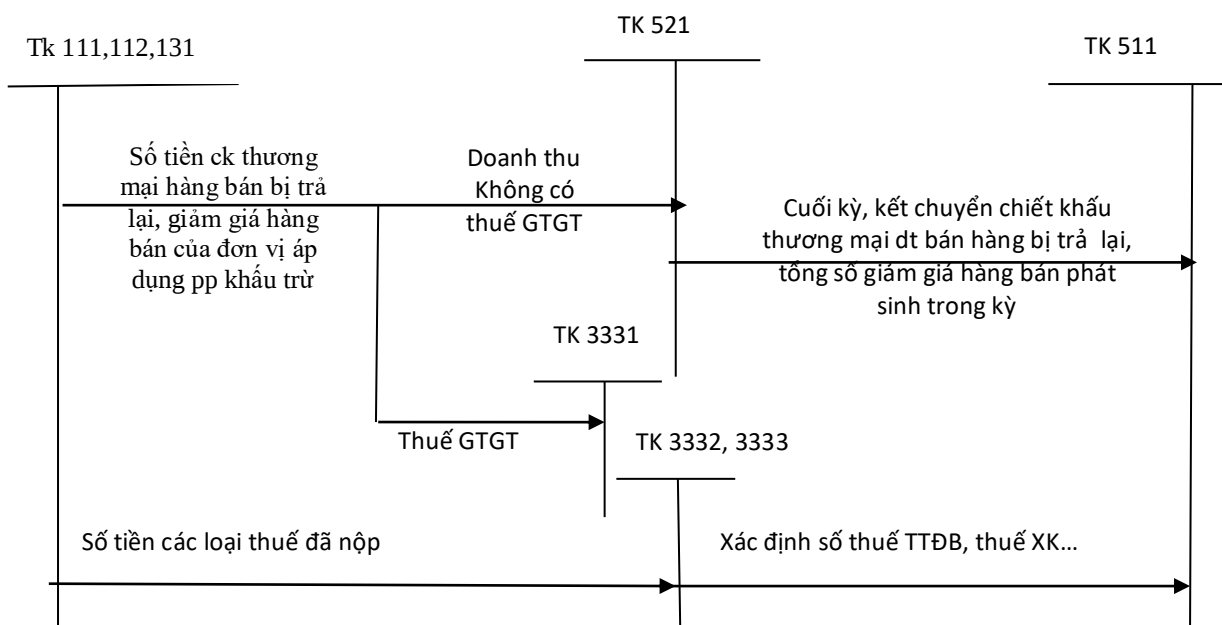
➤ Kết cấu của TK 511

Nợ	TK521	Có
- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ - Trị giá hàng bán đã bị trả lại hoặc trừ vào nợ phải thu - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng phát sinh trong kỳ		- Cuối kỳ kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

- Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) được khái quát qua sơ đồ 1.2 sau



Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (trường hợp kế toán hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

1.2.3 Công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”:

CT chung: Trị giá xuất kho = Số Lượng × Đơn giá xuất

✓ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần

đầu kỳ.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:**

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn DK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập}_i}$$

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

Để theo dõi, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho gửi đại lý
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

* Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: TK 632 – Giá vốn hàng bán

* Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ sử dụng tài khoản: TK 631- Giá thành sản xuất

- **TK 632: Giá vốn hàng bán:** phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất bán ra trong kỳ.

* Kết cấu TK 632

- ✓ Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán ra. - Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.	
Σ Phát sinh Nợ	Σ Phát sinh Có	

- TK 632 không có số dư cuối kỳ

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành	- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ. - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 632 không có số dư cuối kỳ

- **TK 631 - Giá thành sản xuất:** phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

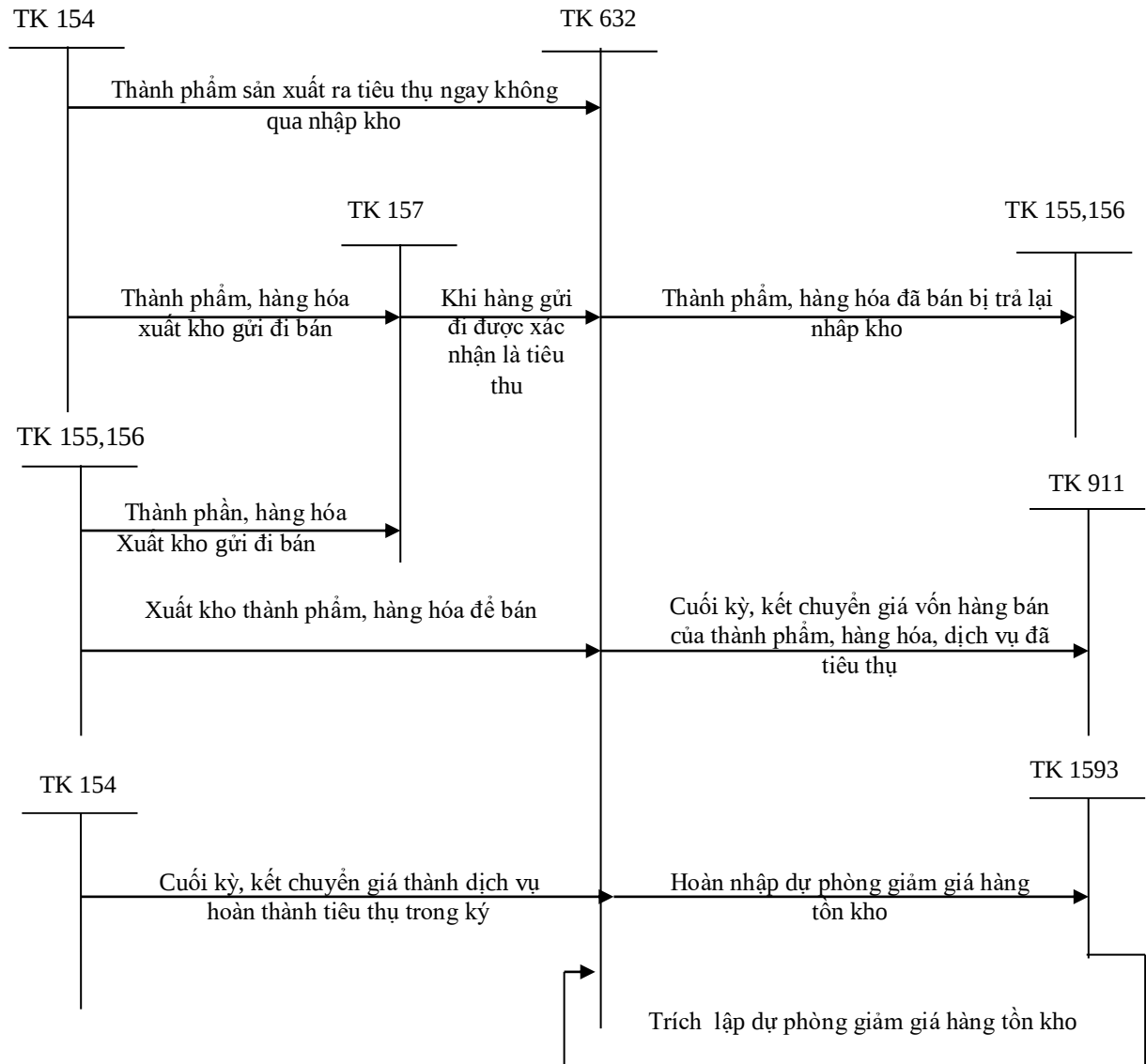
- Kết cấu TK 631

Nợ	TK 631	Có
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ. - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.		- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 - Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 631 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

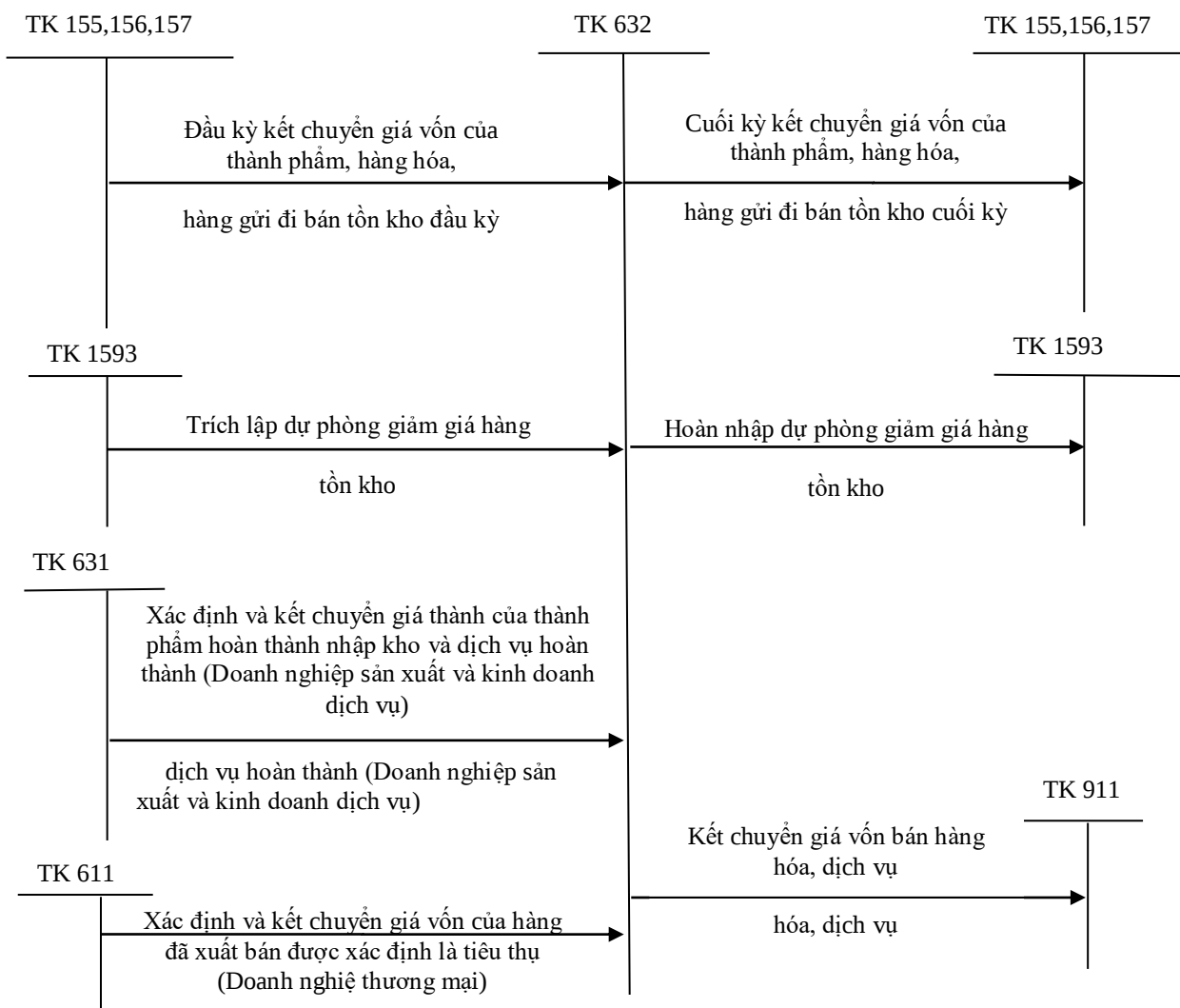
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ 1.3 sau:



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai định kỳ được khái quát qua *sơ đồ 1.4* sau:



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai định kỳ)

1.2.4 Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, phiếu kế toán...
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ,...
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh:**

Có 2 tài khoản cấp 2

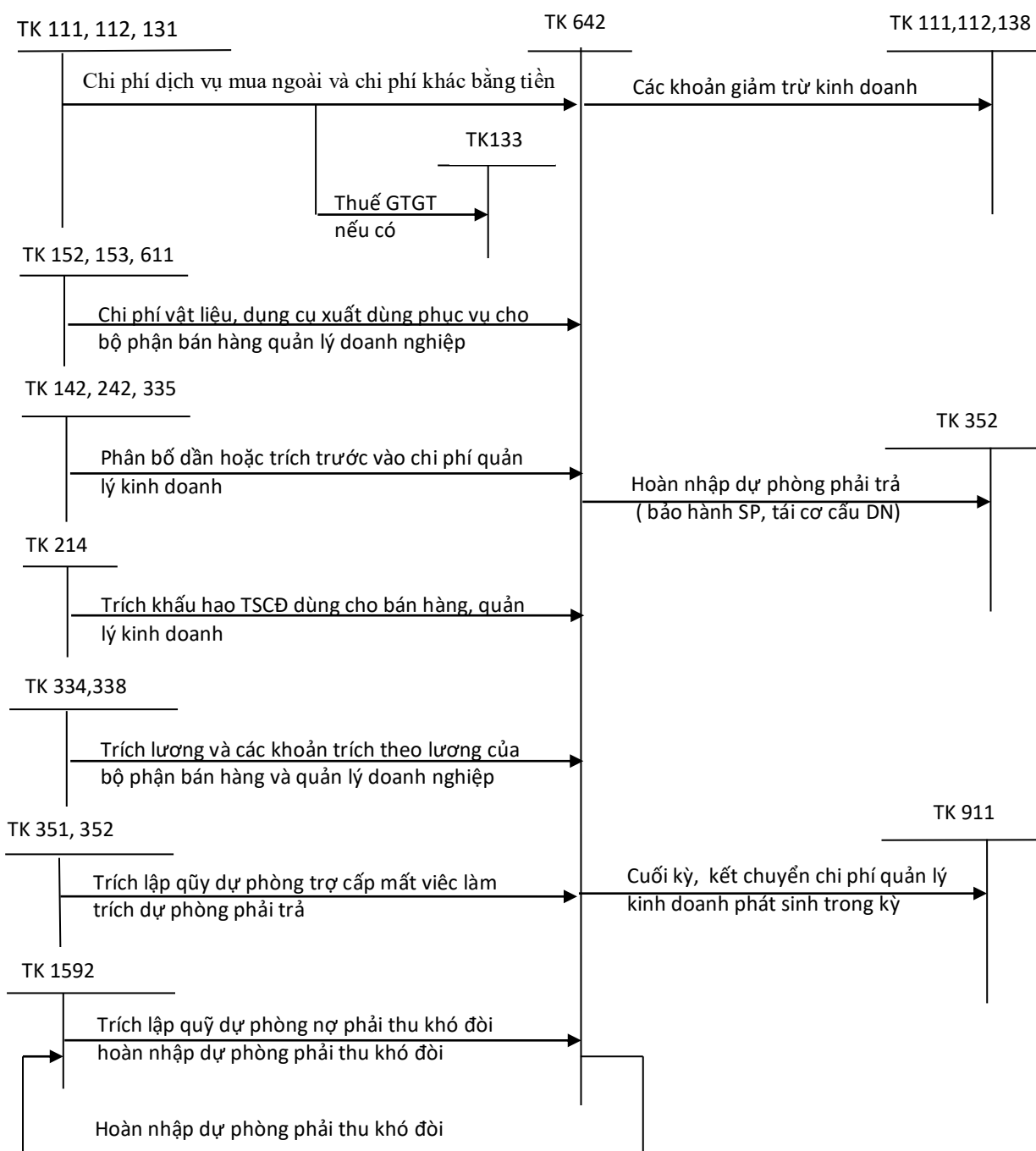
- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết cấu TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. - chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.		- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 sau:



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:** để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

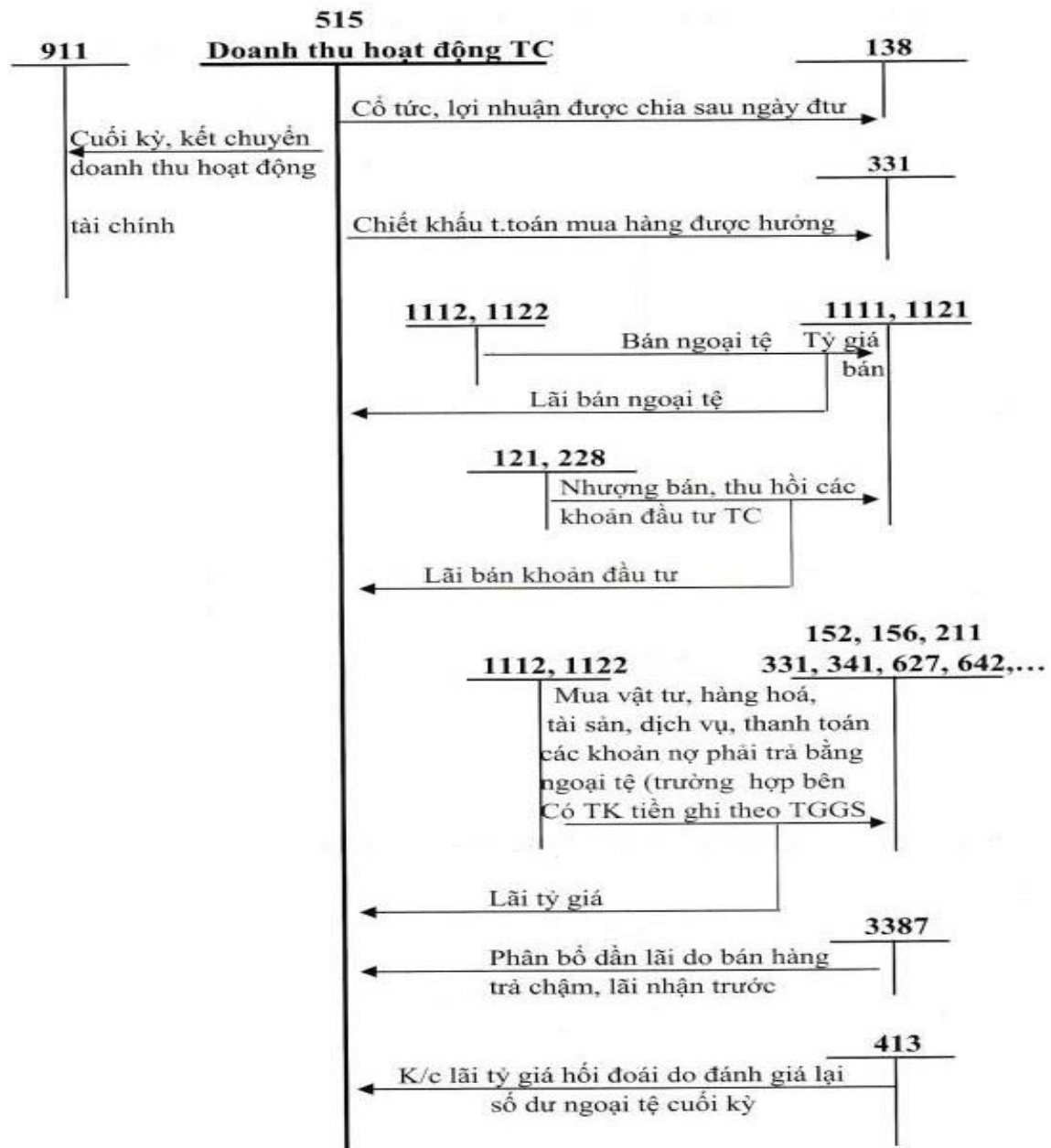
- Kết cấu TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.6 sau:



Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.6 Công tác kế toán chi phí tài chính trong doanh nghiệp

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí tài chính kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

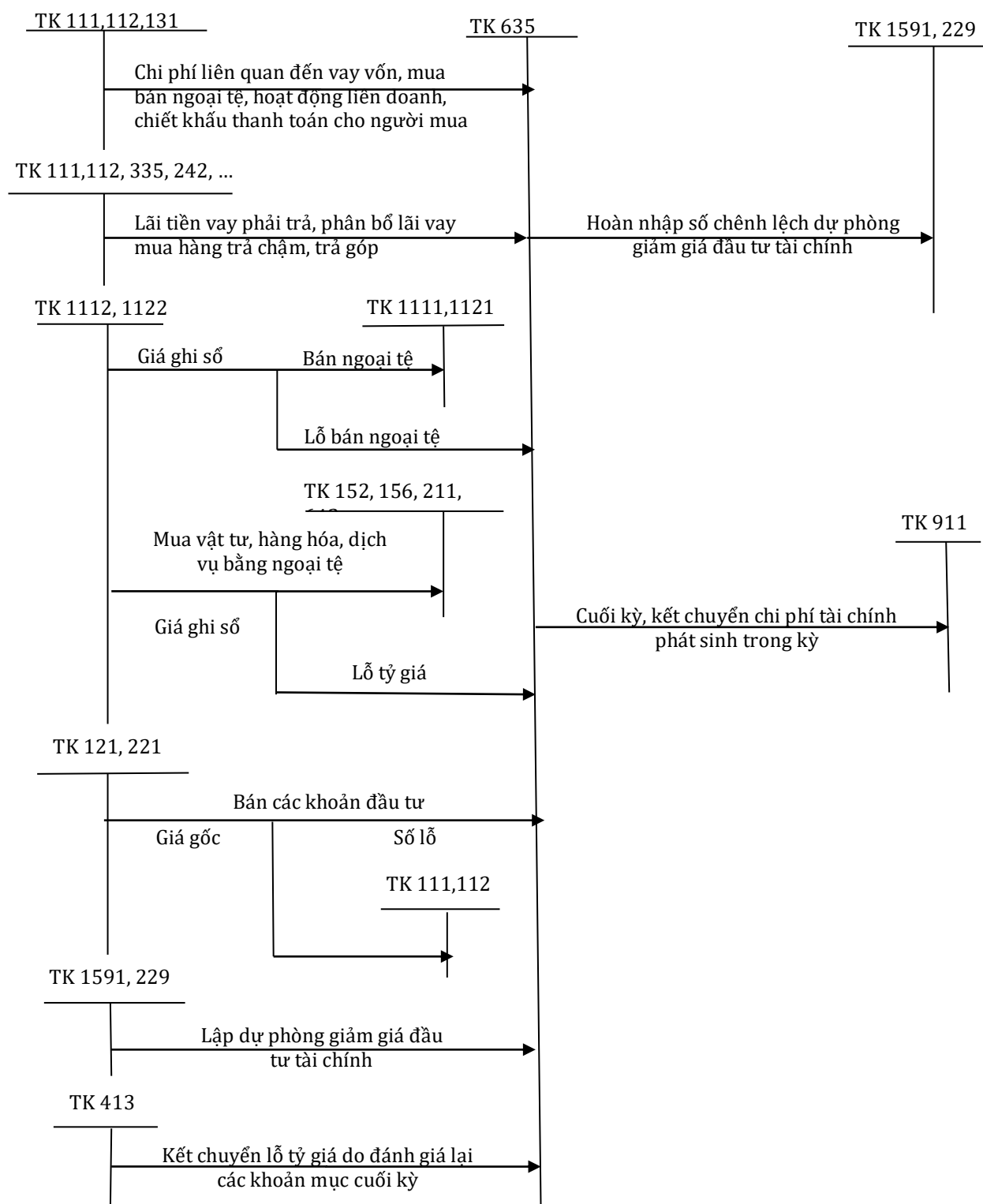
- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính:** phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính
- Kết cấu TK 635

Nợ	TK635	Có
- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản. - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.7 sau



Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí tài chính

1.2.7 Công tác kế toán thu nhập khác trong doanh nghiệp

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu nhập khác kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng:

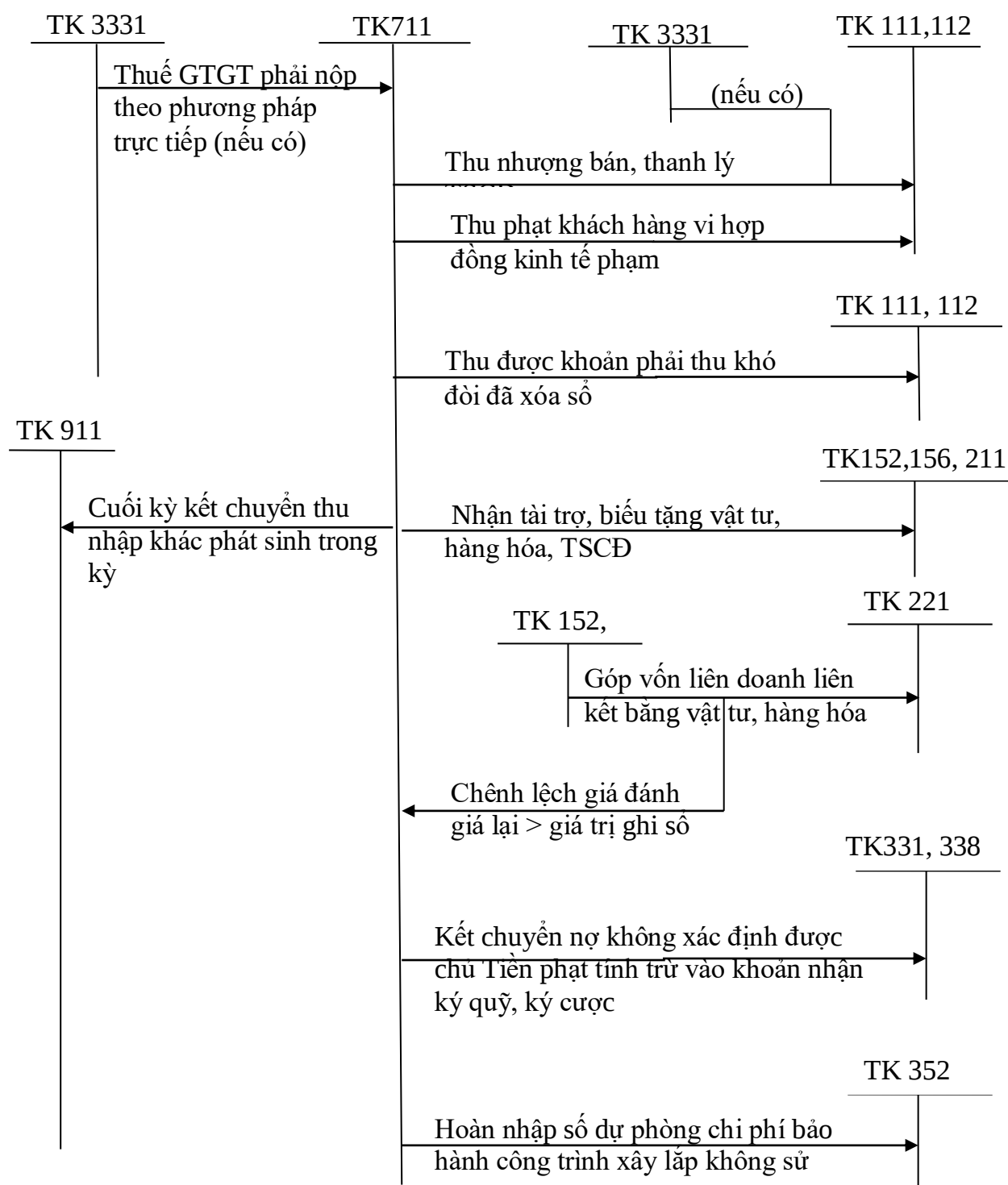
- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác:** dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp
- Kết cấu TK 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán thu nhập khác được khái quát qua sơ đồ 1.8 sau:



Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập khác

1.2.8 Công tác kế toán chi phí khác trong doanh nghiệp

1.2.8.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí khác kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 811 – Chi phí khác:** phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với những hoạt động thông thường của doanh nghiệp

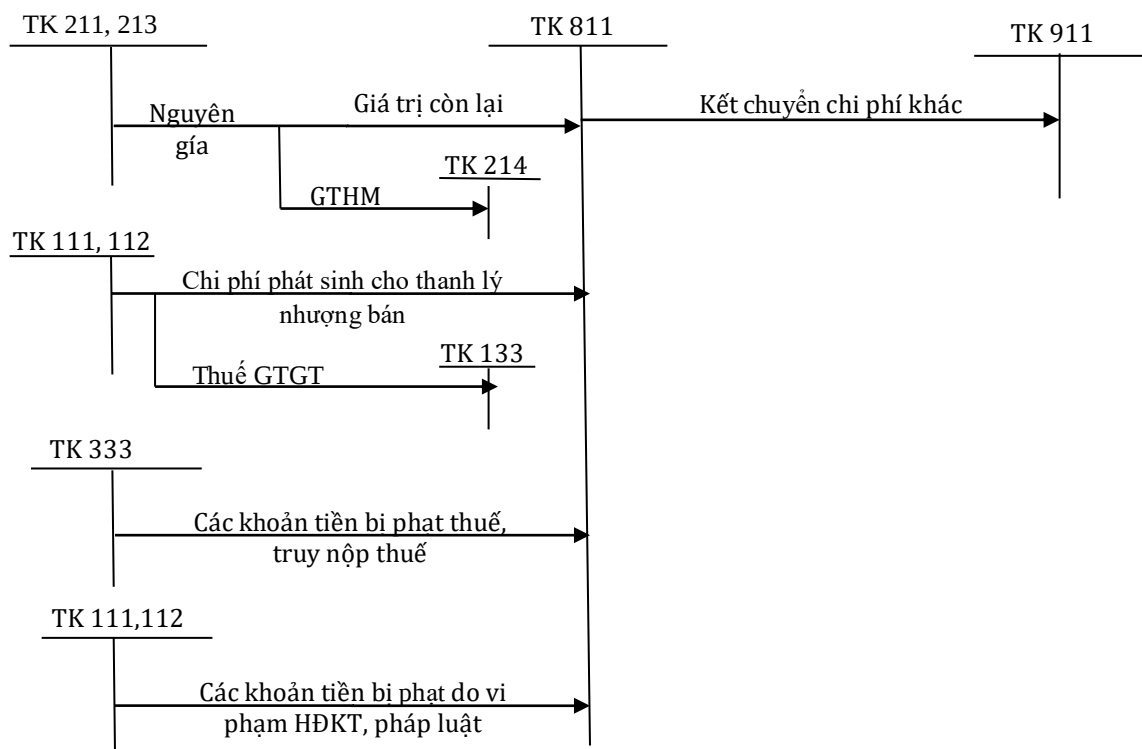
- Kết cấu TK 811:

Nợ TK 811	
Có	
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Số phát sinh Nợ	Σ Số phát sinh Có

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.8.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.9 sau:



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác

1.2.9 Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.9.1 Chứng từ sử dụng

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến xác định kết quả kinh doanh kế toán doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.9.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh: dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác

- Kết cấu TK 911

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- TK 911 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

- Kết cấu TK 821

Nợ	TK821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

- Tài khoản 821: không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối:** dùng để phản ánh kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Các tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*

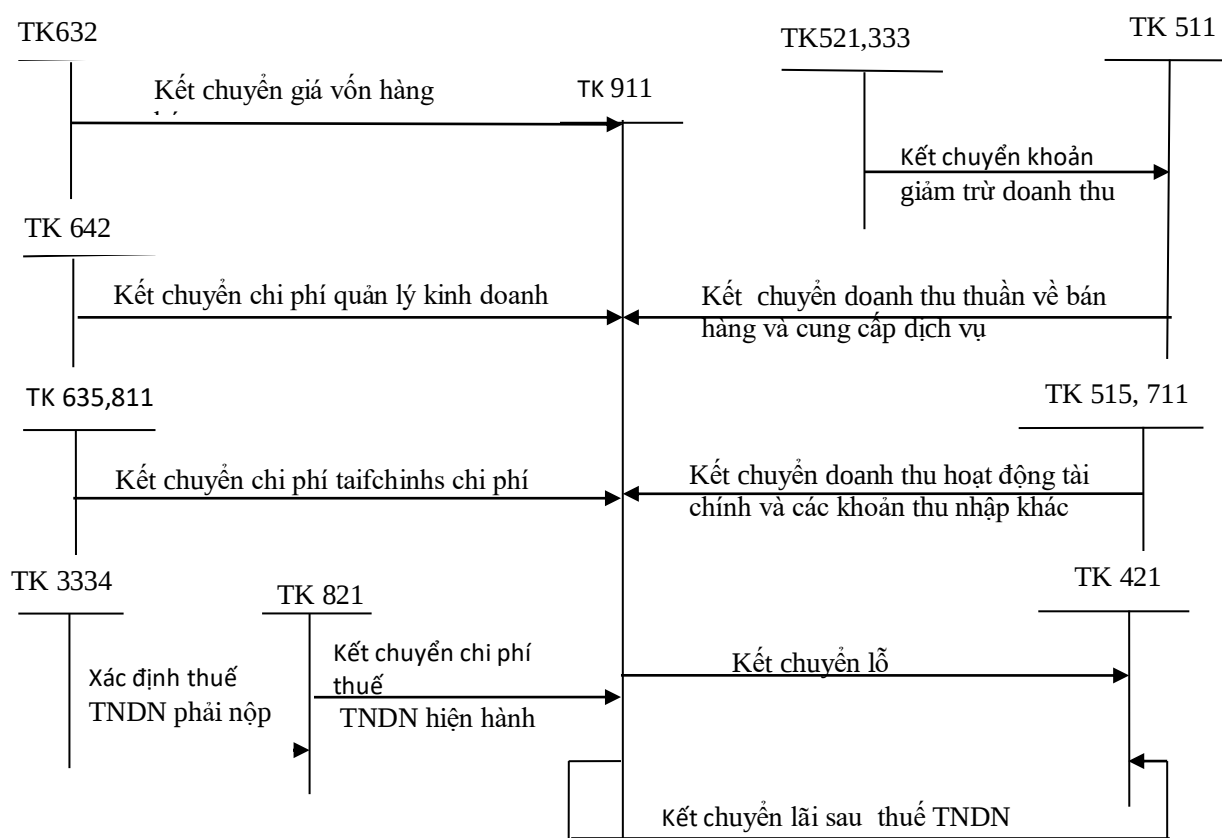
- Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

- Kết cấu TK 421

Nợ	TK 421	Có
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên.		- Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên;
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

1.2.9.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.10



Sơ đồ 1.10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 Một số điểm mới của Thông tư 133/2016/TT-BTC so với Quyết định 48/2006/ QĐ-BTC về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Từ năm 2017, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có chế độ kế toán theo Quyết định 48/2006- QĐ-BTC sẽ chuyển sang Thông tư 133/2016/TT-BTC

Một số điểm mới của Thông tư 133/2016/TT-BTC so với Quyết định 48/2006/ QĐ-BTC về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là:

➤ *Thay đổi nguyên tắc hạch toán tài khoản 511:*

a) Do trên Thông tư 133 bỏ TK 521 các khoản giảm trừ doanh thu, nên nguyên tắc hạch toán của TK 511 bị thay đổi để ghi nhận thêm các khoản giảm trừ doanh thu này. Cụ thể:

- Kết cấu bên **Nợ** của TK 511:
 - ✓ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)
 - ✓ Các khoản giảm trừ doanh thu
 - ✓ Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Lưu ý: *Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu vào bên Nợ TK 511*

- Kết cấu bên **Có** của TK 511: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

b) Việc thay đổi cách hạch toán của TK 511, sẽ ảnh hưởng tới cách lấy số liệu của các báo cáo sau:

- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo đơn hàng
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo hợp đồng
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo công trình
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo đơn vị
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo đơn hàng
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo hợp đồng

- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo công trình
 - Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo đơn vị
 - Chi tiết công nợ phải thu/phải trả
 - Chi tiết công nợ phải thu theo mặt hàng
 - Chi tiết công nợ phải thu/phải trả theo công trình
 - Chi tiết công nợ phải thu theo đơn vị kinh doanh
 - Chi tiết công nợ phải thu theo nhân viên
 - Tổng hợp thanh toán công nợ khách hàng
 - Tổng hợp thanh toán công nợ khách hàng theo nhân viên.
- *Hệ thống báo cáo tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ:*

Đối với doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- Thay đổi công thức tính chỉ tiêu **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** và chỉ tiêu **Các khoản giảm trừ doanh thu**:
 - Số liệu để ghi vào chỉ tiêu **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** không bao gồm các loại thuế gián thu như: thuế GTGT (kể cả thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế, phí gián thu khác.
 - Số liệu để ghi vào chỉ tiêu **Các khoản giảm trừ doanh thu** không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp nhỏ và vừa không được hưởng, phải nộp NSNN (được kế toán ghi giảm doanh thu trên sổ kế toán TK 511).
- Thay đổi cách lấy số liệu các khoản giảm trừ doanh thu => Không lấy theo TK 521 nữa, mà lấy TK bên Nợ của 511 chi tiết theo từng khoản giảm trừ doanh thu.
- Thay đổi cách lấy số liệu chỉ tiêu **Thu nhập khác, Chi phí khác**:
 - Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào **Thu nhập khác**.

- Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào **Chi phí khác**.

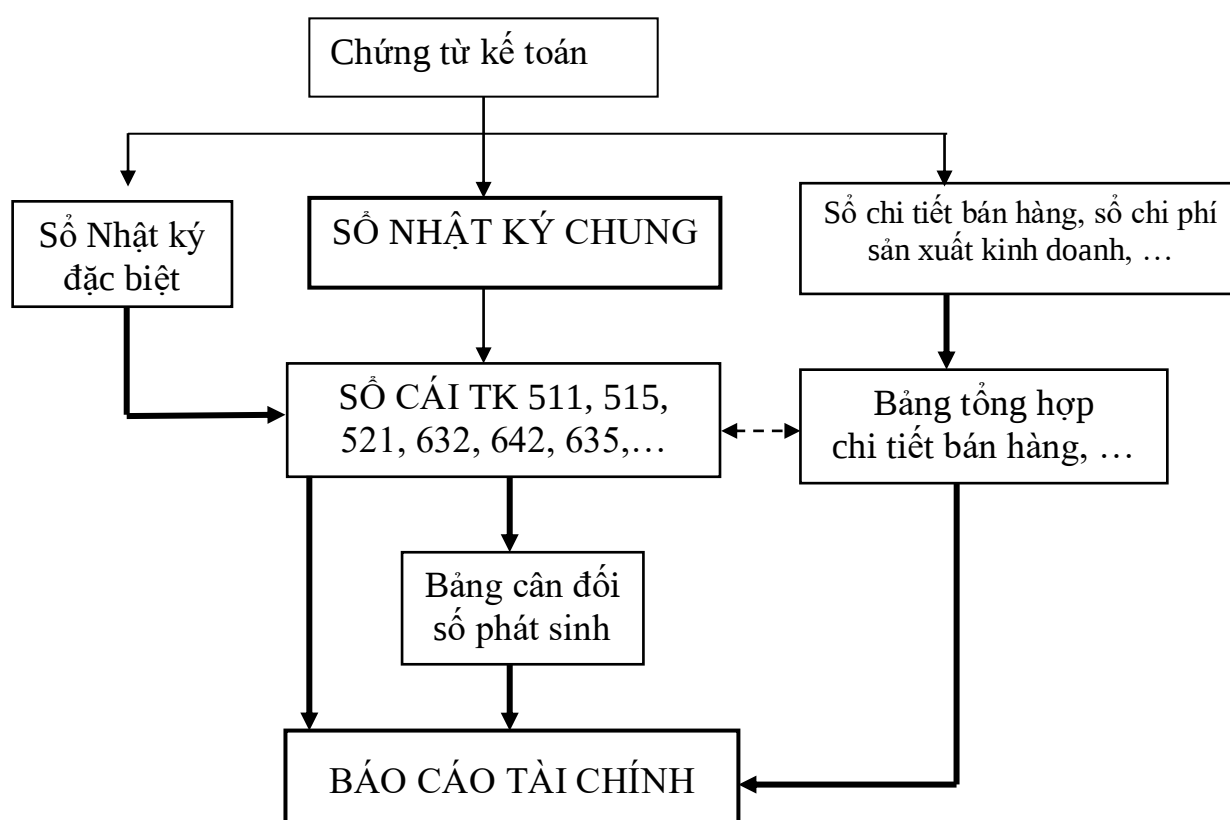
1.4 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:** Sơ đồ 1.11



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày ————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

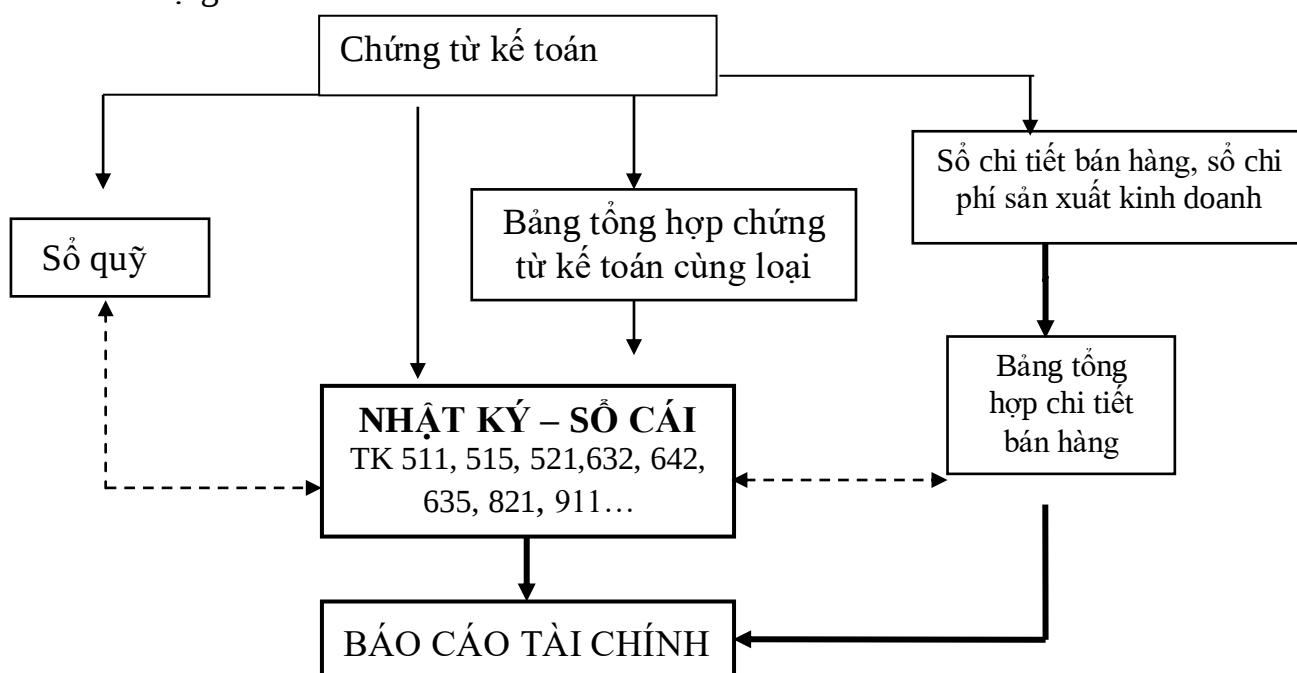
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ Đặc điểm:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán: Sơ đồ 1.12



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày ————→
- Ghi cuối tháng ————→
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

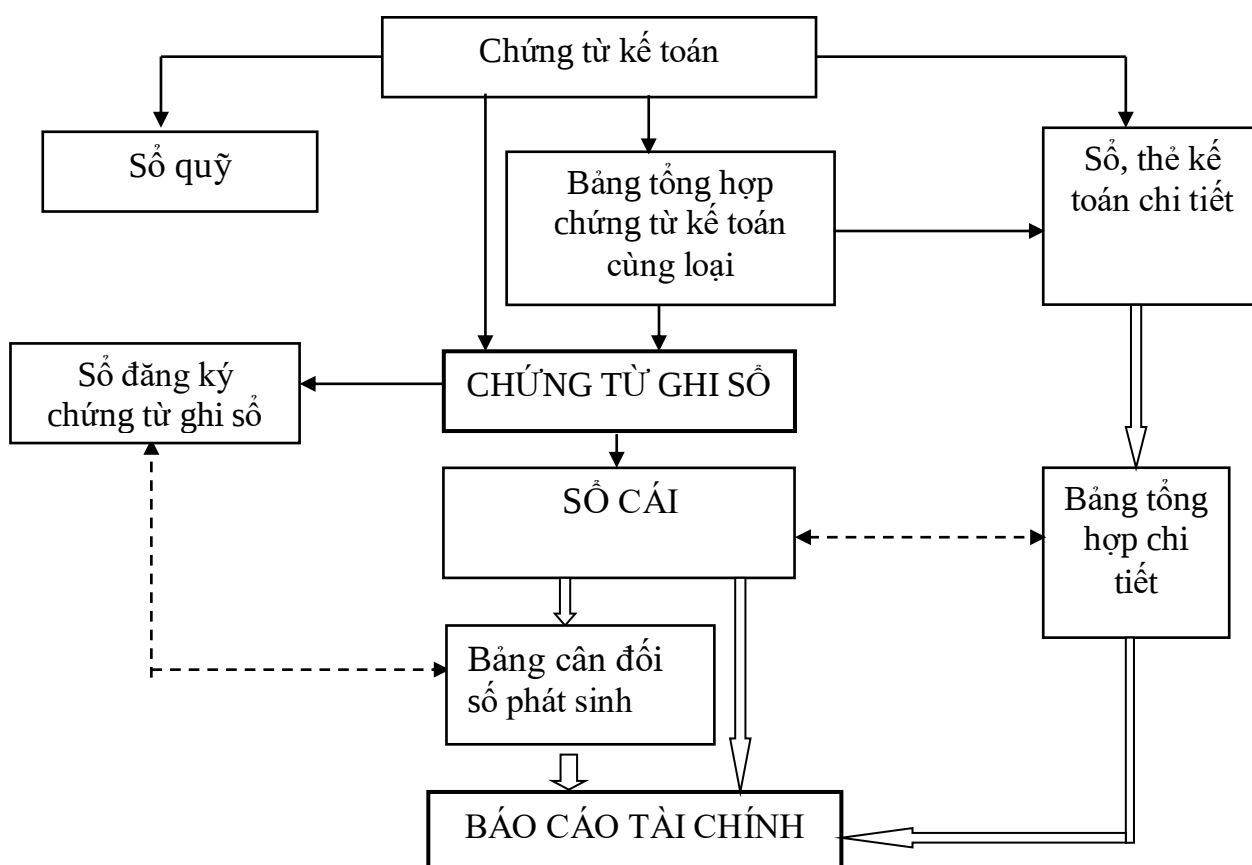
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:** Sơ đồ 1.13



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

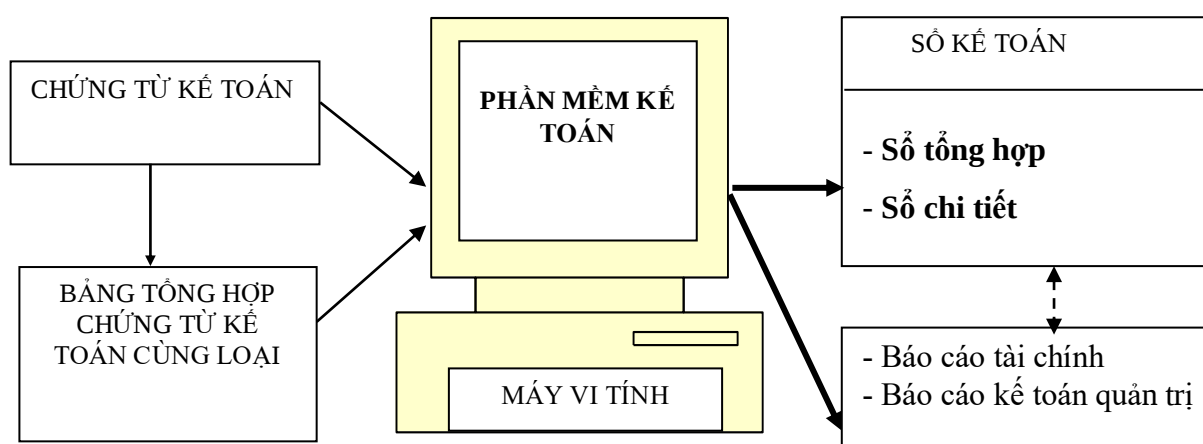
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:** Sơ đồ 1.14



Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày ————→
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ————→
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần (CP) đầu tư xây dựng Uông Bí

2.1.1 Giới thiệu khái quát về Công ty CP đầu tư xây dựng Uông Bí

- ✓ **Tên công ty:** Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Uông Bí
- ✓ **Tên viết tắt:** UONG BI JSC
- ✓ **Địa chỉ:** Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh - phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí Tỉnh Quảng Ninh
- ✓ **Mã số thuế:** 5701677134
- ✓ **Người đại diện pháp lý :** Lê Khắc Nguyễn
- ✓ **Số điện thoại :** (0203)3 854 296
- ✓ **Fax :** (0203)3.3665 534
- ✓ **Ngày hoạt động :** 23/05/2013
- ✓ **Vốn điều lệ :** 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng chẵn.)
- ✓ **Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông thủy lợi, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng dân cư và đô thị
- ✓ **Giấy phép kinh doanh số:** 5701677134 **cấp ngày:** 23/05/2013
- ✓ **Quy mô :** Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- ✓ **Loại hình doanh nghiệp:** Công ty cổ phần

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí

-Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Uông Bí tiền thân là Xí nghiệp xây dựng Uông Bí. Năm 1997 Xí nghiệp xây dựng Uông Bí sát nhập với Xí nghiệp than Uông Bí thành công ty xi măng và xây dựng Uông Bí. Năm 1998 Công ty xi măng và xây dựng Uông Bí đổi tên thành Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh. Là một thành viên của Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cơ bản với hình thức doanh nghiệp nhà nước hạch toán phụ thuộc

Công ty. Năm 2005 Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh chuyển đổi thành Công ty CP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh, tới tháng 6 năm 2013

được sự đồng ý của Công ty CP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh, Xi nghiệp xây dựng Uông Bí thành lập Công ty CP đầu tư xây dựng Uông Bí

- Với phương thức đầu tư kinh doanh đa ngành nghề cùng với đội ngũ cán bộ, công nhân có tay nghề cao, có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, phần đầu đạt được thành tích cao trong các lĩnh vực. Lấy phương châm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, Công ty đã dành được sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài tỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ngừng được mở rộng. Đặc biệt Công ty đã đầu tư chiều sâu trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, đáp ứng mọi nhu cầu sản xuất kinh doanh trong thời kỳ đổi mới. Do vậy mà tốc độ tăng trưởng hằng năm trung bình đạt từ 20 - 30 %.

2.1.3 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

-Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là những công trình kiến trúc xây dựng, có kết cấu phức tạp, quá trình sản xuất mang tính liên tục, kéo dài, mỗi công trình đều có dự toán thiết kế riêng, địa điểm khác nhau cho nên quy trình sản xuất kinh doanh khép kín từ giai đoạn khảo sát đến giai đoạn hoàn thiện đưa vào sử dụng.

Hoạt động xây lắp tiến hành ngoài trời chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản vật tư, máy móc dễ bị hư hỏng và ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Do vậy, vấn đề sinh hoạt của công nhân và an toàn cho người lao động cũng như phương tiện máy móc rất được công ty quan tâm đầu tư các trang thiết bị hiện đại.. Để phù hợp với điều kiện xây dựng và đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy quản lý sản xuất theo đội, chịu sự quản lý của ban lãnh đạo công ty. Mỗi đội được giao nhiệm vụ thi công một công trình.

**** Dựa vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty những thuận lợi và khó khăn trên trong quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh.***

Sự phát triển của công ty thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính của 3 năm gần đây(**Biểu 2.1**)

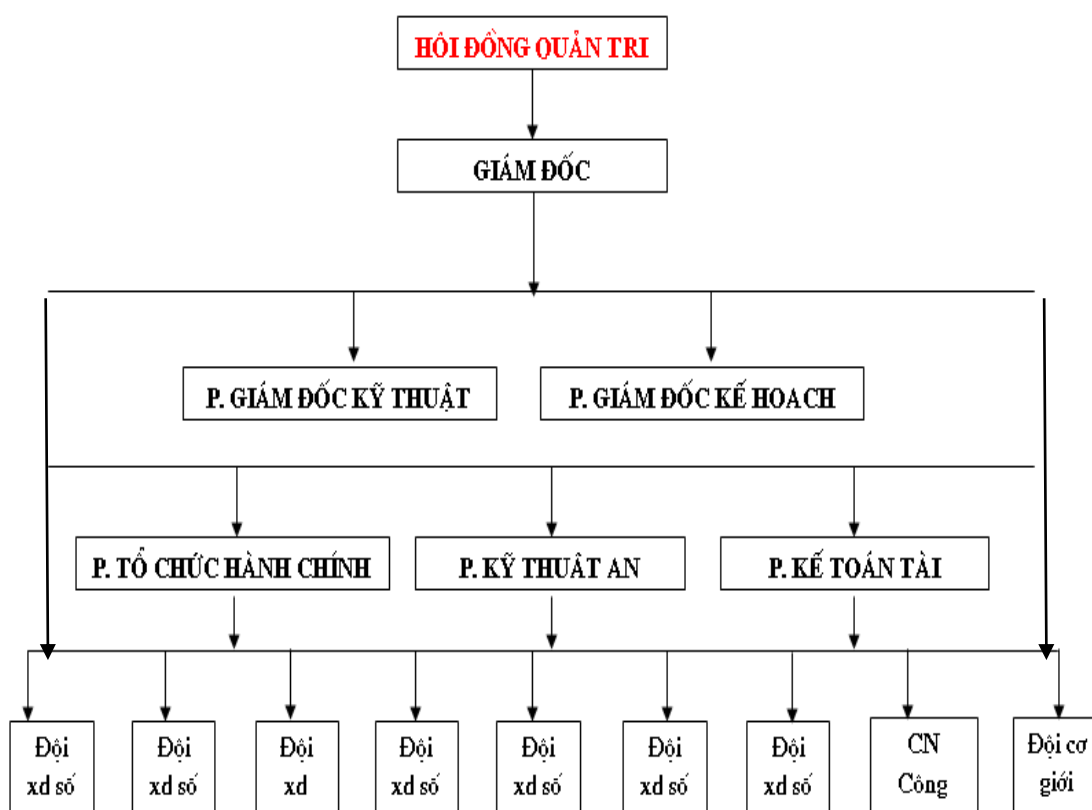
Biểu 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong ba năm gần đây

Chỉ tiêu	2015	2016
1. Doanh thu	66.756.695.773	91.642.913.694
2. Lợi nhuận trước thuế	2.323.880.538	2.539.053.457
3. Thuế TNDN nộp NN	528.945.067	550.396.354
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.794.935.471	2.201.585.417

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí)

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Uông Bí được tổ chức theo mô hình sau:



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Uông Bí

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban:

- Ban Giám đốc:

+ Giám đốc công ty: Là người tổ chức điều hành bộ máy quản lý và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị về toàn bộ những nhiệm vụ, quyền hạn đối với hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Các Phó Giám đốc: Là người giúp Giám đốc điều hành công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được giao.

-Phòng tổ chức hành chính.

Tham mưu và thực hiện công tác hành chính quản lý con dấu, công văn giấy tờ sổ sách hành chính đảm bảo và chịu trách nhiệm về lĩnh vực tổ chức hành chính, lao động và tiền lương toàn công ty, xây dựng kế hoạch tổ chức cán bộ, bộ máy quản lý sản xuất, xây dựng và nội quy, quy chế của công ty, xây dựng kế hoạch tiền lương, thưởng.

-Phòng kế toán.

Đảm bảo chịu trách nhiệm về lĩnh vực tài chính, kế toán, tổ chức xây dựng kế hoạch tài chính kế toán và nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Tính toán hiệu quả kinh tế cho các phương án sản xuất kinh doanh của công ty từng thời kỳ.

-Phòng kỹ thuật an toàn.

Thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, công tác vệ sinh an toàn lao động và nghiên cứu khoa học kỹ thuật phục vụ cho sản xuất của công ty, xây dựng định mức vật tư sản xuất, chính sách chất lượng, xây dựng quy chế quy trình quản lý kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo về công tác kỹ thuật, công tác an toàn bảo hộ lao động tiến hành sản xuất đảm bảo chất lượng tiến độ công trình, đề ra các mục tiêu, biện pháp thực hiện công tác kỹ thuật.

- Các tổ đội thi công:

Trực tiếp tham gia vào thi công các công trình mà đội mình được giao, hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng.

Qua sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động hiện nay của Công ty ta thấy:

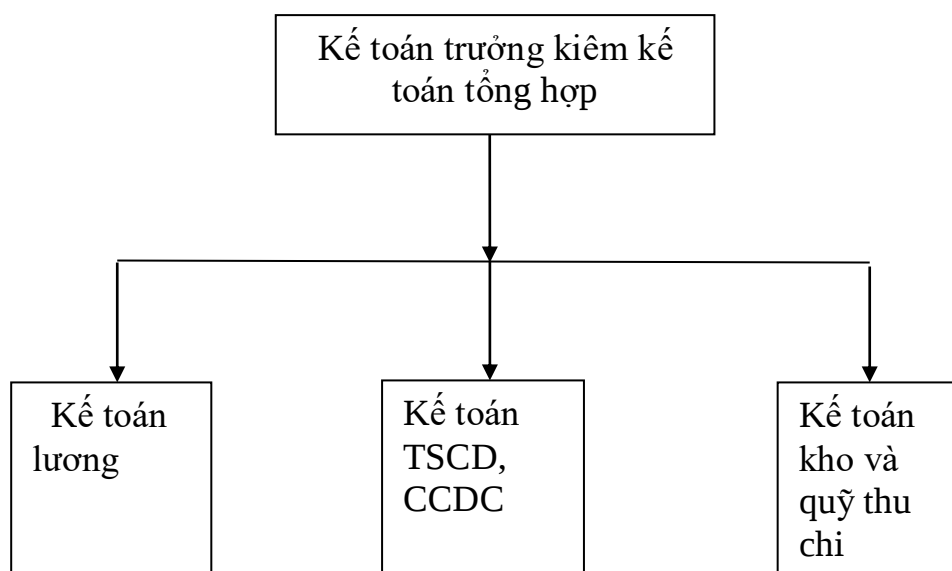
Để phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay, đòi hỏi phải sắp xếp bộ máy quản lý phù hợp, tránh sự chồng chéo trong công tác và bố trí cán bộ có đủ khả năng, trình độ để có bộ máy quản lý hoạt động nhịp nhàng và có hiệu quả.

Mỗi phòng ban trong Công ty đều có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ dưới sự điều hành của Ban Giám đốc nhằm giúp Công ty đạt được lợi ích cao nhất.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty

2.1.5.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung (Sơ đồ 2.2)



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

❖ **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp**

- Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp.
- Tham mưu giúp việc cho giám đốc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê thông tin và hạch toán kế toán, tài chính của công ty.
- Có trách nhiệm tổ chức điều hành hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

❖ **Kế toán tổng hợp:**

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên. Theo dõi đầy đủ số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp.
- Phát hiện, kiểm tra, hạch toán nhưng thiếu sót của kế toán viên
- Lập các báo cáo theo quy định, tổng hợp toàn bộ kết quả kinh doanh của công ty.

❖ **Kế toán TSCĐ, CCDC:**

- Thực hiện soát xét chứng từ liên quan nhập xuất điều chuyển TSCĐ-CCDC

- Ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách chính xác về số lượng hiện trạng và giá trị TSCD. Theo dõi tài sản về nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại
- Kế toán ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu, công cụ, dụng cụ cả về số lượng, chất lượng, giá trị.
- Xác định và phân loại công cụ theo thời gian nhằm phân bổ đúng thời gian sử dụng, đề xuất lại công cụ phân bổ nhiều lần hay một lần
- Trích khấu hao đầy đủ chi phí vào những bộ phận có liên quan của những tài sản tham gia vào SXKD.
- Ước lượng vật liệu đảm bảo cung cấp đủ vật liệu cho công trình tránh trường hợp dư thừa vật liệu.

❖ **Kế toán kho và thủ quỹ thu chi**

- Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn.
- Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra các phiếu, vé, hóa đơn, chứng từ thanh toán sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.
- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ

❖ **Kế toán tiền lương :**

- Ghi chép, phản ánh kịp thời đầy đủ tình hình hiện có sự biến động về số lượng chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động.
- Tính toán chính xác đúng theo các chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động
- Xây dựng thang bảng lương chấm công tính lương cho người lao động công nhân viên
- Lập báo cáo về lao động, tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ.

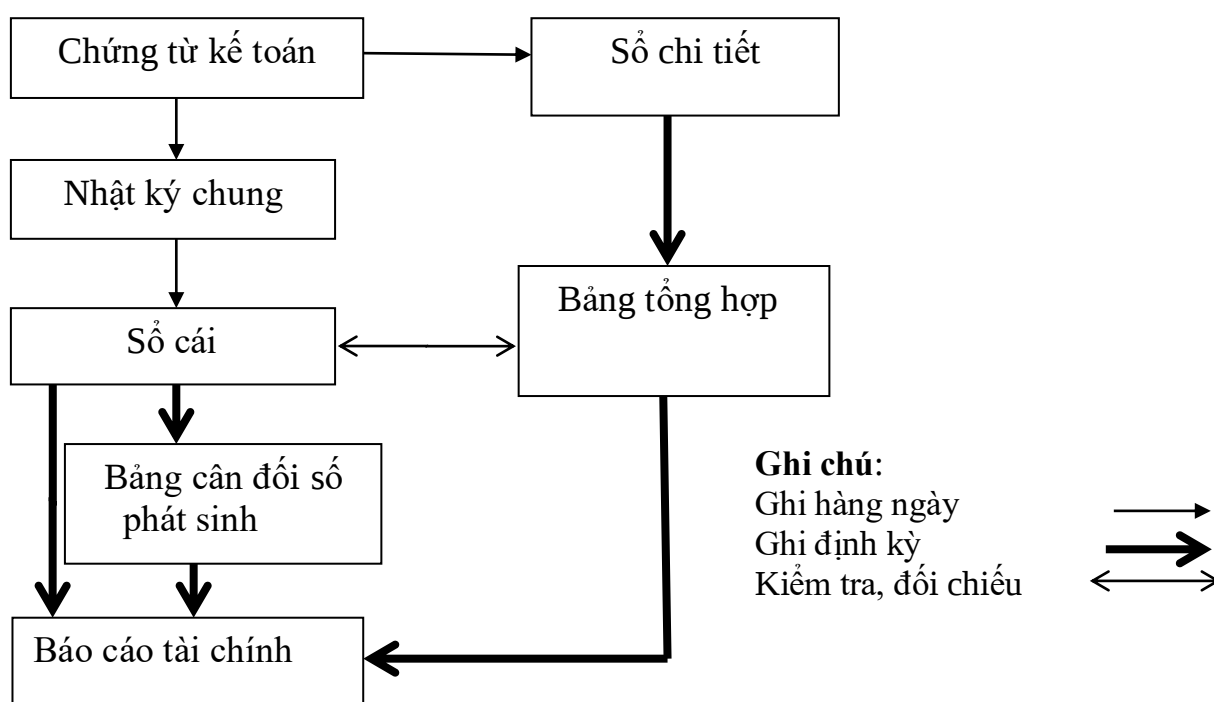
2.1.5.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: **Nhật ký chung**
- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán này là: hàng ngày tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký chung, từ đó lấy sổ nhật ký

chung là căn cứ số liệu để ghi sổ cái, các sổ chi tiết có liên quan theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên các sổ lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối cùng đối chiếu số liệu ghi trên Sổ cái, Bảng tổng hợp (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.
- Theo nguyên tắc: tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty

2.1.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty CP

✓ Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Đơn vị tiền tệ áp dụng trong ghi chép: VND
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng
- Phương pháp hoạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Phương pháp tính GTGT: phương pháp khấu trừ.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Vì vậy, doanh thu của Công ty chủ yếu là từ việc xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng,...

Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua ký kết hợp đồng xây dựng với công ty. Công ty căn cứ vào hợp đồng để tiến hành cung ứng kịp thời.

2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Ủy nhiệm thu ...

2.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

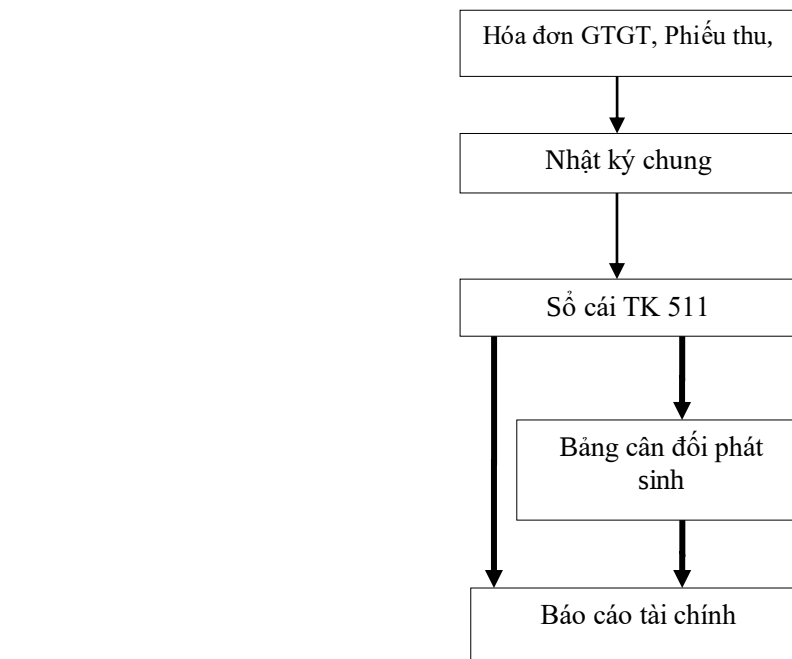
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131,...

2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511

2.2.1.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng hàng và cung cấp dịch vụ kế toán công ty hạch toán theo quy trình (Sơ đồ 2.4) sau:



Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ $\longrightarrow$

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp DV

Ví dụ 1: Ngày 28/11/2016 Công ty bàn giao công trình thi công xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh (công trình này được khởi công từ ngày 04/03/2016) với tổng giá trị trên hợp đồng là 7.515.124.086đ. Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

- Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0001876 (Biểu 2.2) ngày 28/11/2016 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3)
- Căn cứ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (Biểu 2.4)

Biểu 2.2 – Hoá đơn GTGT số 0001876

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/16P			
<i>Liên 3: Nội bộ</i>		Số: 0001876			
Ngày...28...tháng...10...năm 2016...					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ					
Mã số thuế: 5701677134					
Địa chỉ: Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, TỈNH QUẢNG NINH					
Điện thoại: 0203.3854.296 * Fax: 0203.3665.534					
Số tài khoản: ... 6031100268005..... Tại: ... Ngân hàng TMCP Quân đội					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần than Vàng Danh.....					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: ..phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí., Tỉnh Quảng					
Ninh.....					
Hình thức thanh toán:Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm				6.831.930.98 7
<i>Cộng tiền hàng :..</i>					6.831.930.987
Thuế suất GTGT: ...10..% Tiền thuế GTGT:					
<i>Tổng cộng tiền thanh toán :7.515.124.086</i>					
Số tiền viết bằng chữ:bảy tỷ năm trăm mười năm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn không trăm tám sáu đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu 2.3 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ
Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung,
Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

ĐVT:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		
	Số hiệu	Ngày/ Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
28/10/2016	HĐ 0001876	28/10/2016	bàn giao công trình thi công xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh	131	7.515.124.086	
				5111		6.831.930.987
				3331		683.193.099
28/10/2016	PX 2435	28/12/2016	Trị giá vốn công trình xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh	632	6.258.142.600	
				154		6.258.142.600
...	...	...	...	...	...	...
12/11/2016	PC457	12/11/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty xi măng vicem Hoàng Thạch	331	120.000.000	
				1121		120.000.000
13/11/2016	PC458	13/11/2016	Chi phí tiếp khách	6421	6.750.000	
				133	675.000	
				1111		7.425.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2016	PKT 45	31/12/2016	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	821	550.396.354	
				3334		550.396.354
31/12/2016	PKT 45	31/12/2016	Kết chuyển TNDN năm 2016	911	550.396.354	
				821		550.396.354
31/12/2016	PKT 45	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	2.201.585.417	
				4212		2.201.585.417
			Cộng			

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.4 Trích Sổ cái TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung, Thành
phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2016
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng hoá
Số hiệu: 5111

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...	...	...	...	...	...
HĐ 0001875	07/09/2016	Cong trình Cầu Miếu Thám phường Vàng Danh	131		7.360.888.000
...	...	...	...	...	...
HĐ0001879	28/10/2016	Công trình nhà kho, xưởng sửa chữa và nhà hóa Công ty than Vàng Danh	131		6.831.930.987
...	...	...	...	...	...
HĐ 0001885	10/11/2016	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường Bãi Dài phường Thanh Sơn	131		2.083.944.000
....	...	...	...	...	...
PKT 43	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu 5111- 911	911	91.642.913.694	
-	-	<u>Cộng số phát sinh</u>		91.642.913.694	91.642.913.694
-	-	<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

2.2.2 Thực trạng công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu

2.2.3 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán

Công ty hạch toán giá vốn theo từng công trình, hạng mục. Khi công trình hoàn thành giao cho chủ đầu tư, kế toán bàn giao công trình ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán phải ghi nhận giá vốn của công trình.

Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ các chi phí để xây dựng lên công trình đó, bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình hoàn thành.

2.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Bảng giá thành sản phẩm công trình
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ TK 632: Giá vốn hàng bán

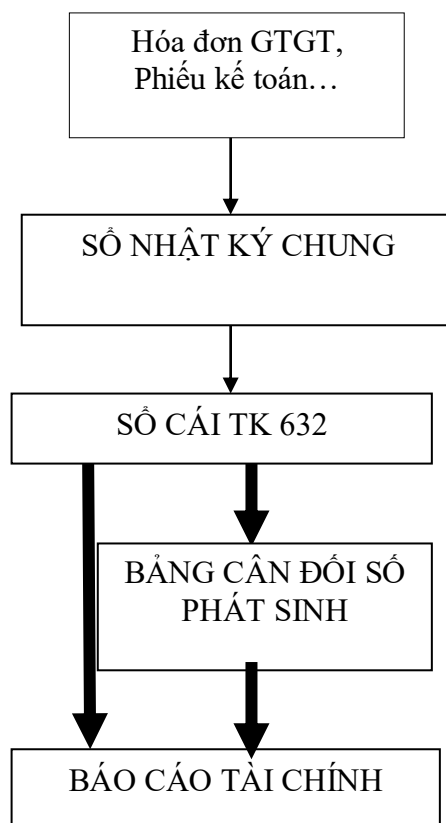
2.2.3.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 632

2.2.3.4 Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán kế toán công ty hạch toán theo quy trình (**Sơ đồ 2.5**) sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP

Ví dụ 2: Ngày 28/11/2016 Công ty bàn giao công trình thi công xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh (công trình này được khởi công từ ngày 04/03/2016) với tổng giá trị trên hợp đồng là 7.515.124.086đ. Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên. Trị giá vốn công trình 6.258.142.600 (Bảng giá trị vật tư thi công xây dựng – biểu 2.5)

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0001876(Biểu số 2.2), kế toán lập Phiếu kế toán số 26 (Biểu số 2.6). Từ Hoá đơn, Phiếu kế toán,kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.7), Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.8).

Biểu 2.5 - Bảng giá trị vật tư thi công xây dựng

BẢNG GIÁ TRỊ VẬT TƯ THI CÔNG XÂY DỰNG:

Công Trình: Nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh

Từ ngày 04/03/2016 đến 30/11/2016

STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A		VẬT LIỆU				
1	VT067	Cát bê tông Sông Đà	m3	1.806	200.000	361.200.000
2	VT134	Xi măng Hoàng Thạch	bao	350	75.000	26.250.000
...	...	...	...	...	...	...
		TỔNG				4.675.742.600
B		NHÂN CÔNG				
1	CNĐM	Đào móng rộng	m3	81,69	260.000	21.239.400
...	...	...	...	...	...	...
		TỔNG				829.928.500
C		MÁY THI CÔNG				
1		Máy trộn bê tông 250l	ca	95	270.000	25.650.000
...	...	...	...	...	...	...
		TỔNG				435.855.050
D		CHI PHÍ KHÁC				316.616.450
		CỘNG TỔNG: A+B+C				6.258.142.600

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6 – Phiếu kế toán số 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 28 tháng 11 năm 2016

Số 26

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Giá vốn công trình nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh	632	154	6.258.142.600
	Cộng			6.258.142.600

Bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm năm mươi tám triệu một trăm bốn hai nghìn sáu trăm đồng.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.7 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ
Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung,
Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

ĐVT:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ Ư		
	Số hiệu	Ngày/ Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
28/10/2016	HĐ 0001876	28/10/2016	bàn giao công trình thi công xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh	131	7.515.124.086	
				5111		6.831930.987
				3331		683.193.099
28/10/2016	PX 2435	28/12/2016	Trị giá vốn công trình xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh	632	6.258.142.600	
				154		6.258.142.600
...	...	...	...	...	...	...
12/11/2016	PC457	12/11/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty xi măng vicem Hoàng Thạch	331	120,000,000	
				1121		120,000,000
13/11/2016	PC458	13/11/2016	Chi phí tiếp khách	6421	6.750.000	
				133	675.000	
				1111		7.425.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2016	PKT45	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	2.201.585.417	
				4212		2.201.585.417
			Cộng			

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.8 Trích Sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung,
Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...	...	...	...	...	...
HĐ 0001875	07/09/201 6	Cong trình Cầu Miếu Thám phường Vàng Danh	154	5.760.858.000	
...	...	...	...	...	
HĐ000187 9	28/10/201 6	Công trình nhà kho, xưởng sửa chữa và nhà hóa Công ty than Vàng Danh	154	6.258.142.600	
...	...	...	...	...	
HĐ 0001885	10/11/201 6	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường Bãi Dài phường Thanh Sơn	154	1.083.954.000	
....	...	...	...	...	...
PKT 44	31/12/201 6	Kết chuyển giá vốn hàng bán 632- 911	911		84.816.108.448
-	-	<u>Cộng số phát sinh</u>		84.816.108.448	84.816.108.448
-	-	<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

2.2.4 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của Công ty bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN; chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,...

2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Các chứng từ tt: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, phiếu kế toán...
- ✓ Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ,...
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

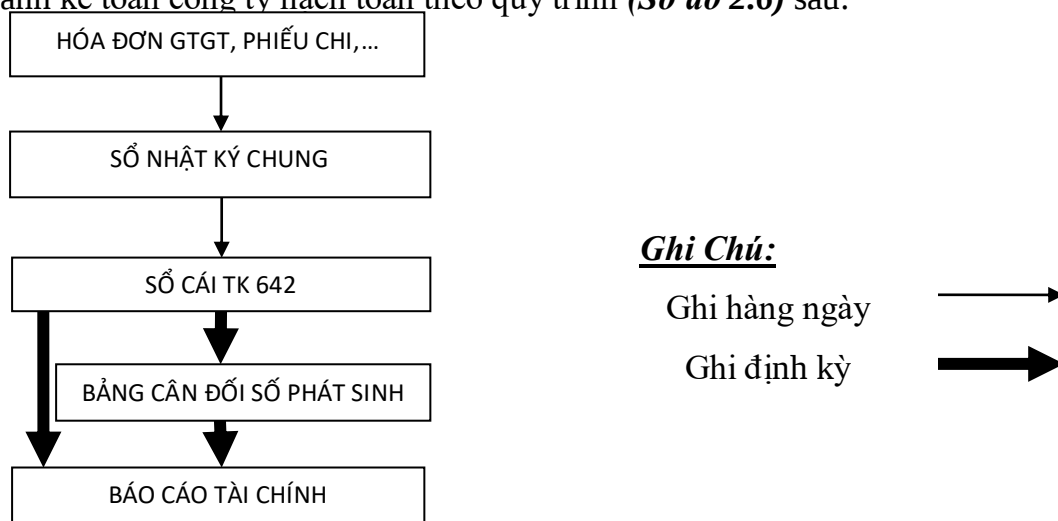
Trong đó: - TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

Sổ tổng hợp: - Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 6421, TK 6422

2.2.4.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh kế toán công ty hạch toán theo quy trình (**Sơ đồ 2.6**) sau:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty

Ví dụ 3: Thanh toán tiền tiếp khách cho Công ty CP Thương mại Ưng Bí theo hóa đơn GTGT số 0000435 ngày 13/11/2016

Khóa luận tốt nghiệp

- Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán ngày 13/11/2016 của Ông Đặng Vĩnh Trà (biểu 2.9) Căn cứ vào hóa đơn số 000435 (Biểu 2.10) kế toán lập phiếu chi số 327 (Biểu 2.11)
- Căn cứ vào hóa đơn số 0000435 ngày 13/11/2016 kế toán ghi sổ Nhật ký chung số (Biểu 2.12)
- Căn cứ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 6421 (Biểu 2.13)

Biểu 2.9 – Giấy đề nghị thanh toán

C.TY CP ĐT XÂY DỰNG UÔNG BÍ
Quang Trung, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Mẫu số 05-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 13 tháng 11 năm 2016

Kính gửi:Công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí.....

Họ và tên người đề nghị thanh toán:Đặng Vĩnh Trà.....

Bộ phận (Hoặc địa chỉ):phòng phó giám đốc.....

Nội dung thanh toán:Chi tiền tiếp khách ngày 13 tháng 11 năm 2016.....

Số tiền:7.425.000... (Viết bằng chữ): ...bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng.....

(Kèm theo.... 01..... chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT 0000435)

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu 2.10 – Hoá đơn GTGT số 0001876

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 2: Giao khách hàng</i> <i>Ngày...13...tháng...11...năm 2016...</i>			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000435		
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TM UÔNG BÍ Mã số thuế : Địa chỉ : Quang Trung, Thành phố Uông Bí, TỈNH QUẢNG NINH Điện thoại : 0203.3850.888 * Fax: 0203.3660.888 Số tài khoản :... .. Tại : ...					
Họ tên người mua hàng : ...Đặng Vĩnh Trà..... Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ Mã số thuế : Địa chỉ : Hình thức thanh toán :Số tài khoản :					
S T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiếp khách				6.750.000
<i>Cộng tiền hàng : ..</i>					6.750.000
<i>Thuế suất GTGT: ...10..%</i>			<i>Tiền thuế GTGT :675.000....</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán :7.425.000</i>					
<i>Số tiền viết bằng chữ : bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.11 – Phiếu chi số 458

C.TY CP ĐT XÂY DỰNG UÔNG BÍ
Quang Trung, tp Uông Bí, Quảng Ninh

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 13 tháng 11 năm 2016

Số: 458

Nợ TK 6421: 6.750.000

Nợ TK 1331: 675.000

Có TK 111: 7.425.000

Họ và tên người nhận tiền: Đặng Vĩnh Trà

Địa chỉ:.....Phòng phó giám đốc.....

Lý do chi:....Chi tiền tiếp khách ngày 13/11/2016.....

Số tiền:...7.425.000.....(Viết bằng chữ):....Bảy triệu bốn trăm hai mươi
lăm nghìn đồng./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc (Hóa đơn 0000435).

Ngày 13 tháng 11 năm 2016

Giám đốc

**Kế toán
trưởng**

**Thủ
quỹ**

**Người lập
phiếu**

**Người
nhận tiền**

(Ký, họ tên ông/dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn
đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

Biểu 2.12 Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U		
	Số hiệu	Ngày/ Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
28/10/2016	HĐ 0001876	28/10/2016	bàn giao công trình thi công xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh	131	7.515.124.086	
				5111		6.831.930.987
				3331		683.193.099
28/10/2016	PX 2435	28/12/2016	Trị giá vốn công trình xây dựng nhà kho , xưởng sửa chữa và nhà hóa nghiệm Công ty than Vàng Danh	632	6.258.142.600	
				154		6.258.142.600
...	...	...	...	...	...	...
12/11/2016	PC 457	12/11/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty xi măng vicem Hoàng Thạch	331	120,000,000	
				1121		120,000,000
13/11/2016	PC458	13/11/2016	Chi phí tiếp khách	6421	6.750.000	
				1331	675.000	
				1111		7.425.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2016	PKT 45	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	2.201.585.417	
				4212		2.201.585.417
			Cộng			

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.13 Trích Sổ cái TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh
Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...	...	...	...	...	...
PC 432	05/10/2016	Thanh toán tiền nước quý III cho Cty nước sạch Uông Bí	111	565.000	
...	...	...	...	...	...
PC458	13/11/2016	Chi tiếp khách cho ông trà	111	6.750.000	
...	...	...	...	...	
PC 478	30/11/2016	Thanh toán tiền điện thoại T11	111	356.000	
....	...	...		...	...
PKT 44	31/12/2016	Kết chuyển CPQL doanh nghiệp	911	3.089.875.232	
-	-	<u>Cộng số phát sinh</u>		3.089.875.232	3.089.875.232-
-	-	<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

2.2.5 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do trả tiền lãi cho các khoản nợ vay

2.2.5.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Giấy báo có, giấy báo nợ
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

2.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 635: Chi phí tài chính

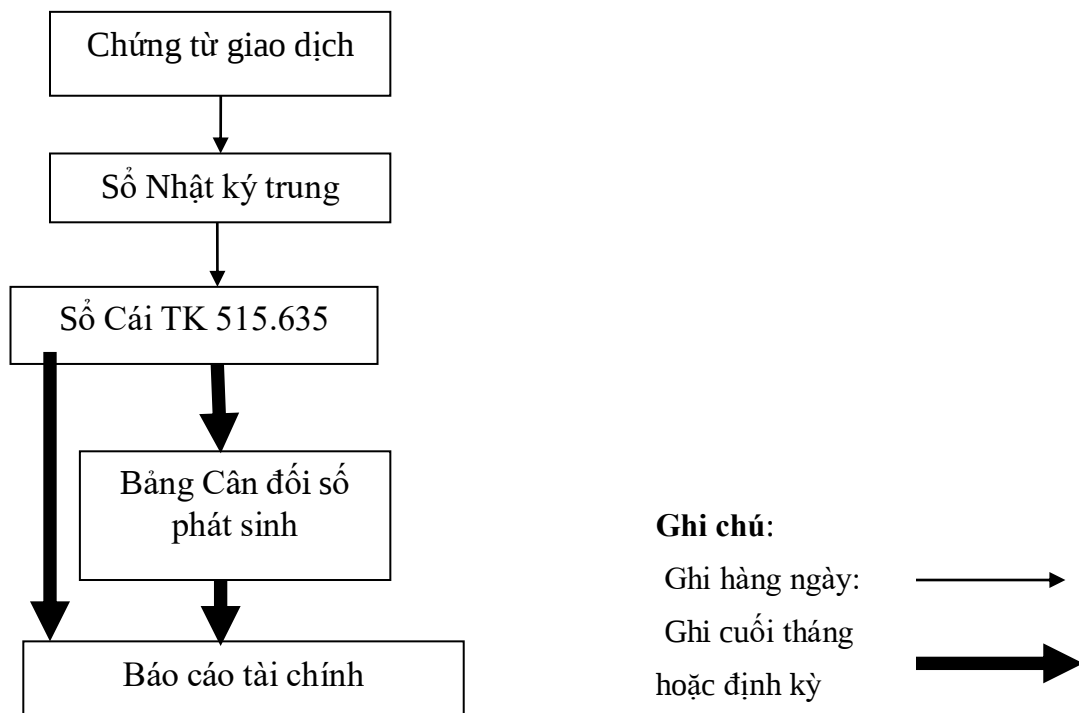
2.2.5.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 515.635

2.2.5.4 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính kế toán công ty hạch toán theo quy trình (Sơ đồ 2.7) sau



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Ví dụ 5: Ngày 30/11/2016 Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội thông báo lãi nhập vốn, số tiền 505.784đ.

- Căn cứ Chứng từ giao dịch ngày 30/11/2016 (Biểu 2.14) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17)
- Căn cứ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 515 (Biểu 2.18), TK 635 (Biểu 2.19)

Biểu 2.14 giấy báo Có

 Solid partners, flexible solutions NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI	Ngày in/Printed date: 30/11/2016 Giao dịch viên/Teller: Maker Số giao dịch/Trans no:A0S6284
GIẤY BÁO CÓ/CREDIT SLIP Ngày/date: 30/11/2016	
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY Tên tài khoản/Customer name: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UONG BI Tài khoản/Account number: 100156949	
Tổng số tiền bằng số/Amount: 505.784 VND	
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT Tên tài khoản/ Customer name: Số tài khoản/Account number: Số tiền bằng chữ/Amount in words: Năm trăm linh năm nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng. Nội dung/Content: Nhập lãi tiền gửi vào TK gốc 100156949 .	
Giao dịch viên Teller	Kiểm soát Checker

Ví dụ 6: Ngày 15/11/2016 trả gốc lãi vay ngắn hạn ngân hàng Vietinbank – CN Ông Bí, số tiền 5.720.000đ.

Căn cứ vào Chứng từ kế toán, phiếu chi (Biểu 2.15) Giấy báo nợ ngày 15/11/2016 (Biểu 2.16) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17)

- Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 635 (Biểu 2.18)

Biểu 2.15: phiếu chi 460

C.TY CP ĐT XÂY DỰNG UÔNG BÍ
Quang Trung, tp Ông Bí, Quảng Ninh

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 15 tháng 11 năm 2016

Số: 460
Nợ TK635: 5.720.000
Có TK 111: 5.720.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Bích Lương

Địa chỉ: Phòng kế toán.....

Lý do chi: Chi trả tiền lãi ngân hàng Vietinbank.....

Số tiền: 5.720.000..... (Viết bằng chữ): Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng./.....

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc (0001347).

Ngày 15 tháng 11 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý): + Số tiền quy đổi: (Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

Biểu 2.16 giấy báo nợ

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam			
GIẤY NỘP TIỀN			
Cash deposit slip			
Số No: 0001347			
Ngày Date 15/11/2016			
Liên 2 Copy 2			
Người nộp Deposited by :Nguyễn Thị Bích Lương			
Địa chỉ Address :			
Số tài khoản A/C number:			
Tên tài khoản A/C name: Công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí			
Tài khoản có Credit A/C: 102010000357456			
Tại ngân hàng With Bank : Vietinbank – CN Uông Bí			
Số tiền bằng chữ Amount in words: năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng.			
Nội dung Remarks: trả lãi ngân hàng			
Đơn vị trả tiền Payer		Ngày hạch toán Accounting date 15/11/2016	
Kế toán Accountant	Chủ tài khoản	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor
A/C holder			

Biểu 2.17 Trích sổ Nhật ký chung năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Mẫu số S03a - DNN

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

BTC

Mã số thuế: 5701677134

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng

BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		
	Số hiệu	Ngày/Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
12/11/2016	PC 457	12/11/2016	Chuyển tiền mua hàng Công ty xi măng vicem Hoàng Thạch	331	120,000,000	
				1121		120,000,000
...	...	...	...	...	...	...
13/11/2016	PC458	13/11/2016	Chi phí tiếp khách	6421	6.750.000	
				1331	675.000	
				1111		7.425.000
...	...	...	...	...	...	...
15/11/2016	PC460	15/11/2016	Trả lãi Ngân hàng Vietinbank	635	5.720.000	
				111		5.720.000
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2016	GBC 30/11	31/11/2016	Nhập lãi tiền gửi vào TK	112	505.784	
				515		505.784
...	...		...	...	...	...
31/12/2016	PKT 45	31/12/2016	Kết chuyển lãi năm 2016	911	2.201.585.417	
				4212		2.201.585.417
			Cộng			

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.18 Trích Sổ cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

UÔNG BÍ

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường
Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...	...	...	...	...	...
GBC 05/06	05/06/2016	Lãi tiền gửi	112		817.865
...	...	...	...	...	...
GBC 15/11	15/11/2016	Lãi tiền gửi	112		505.784
...	...	...	...	...	...
PKT 43	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.727.665.902	
		<u>Cộng số phát sinh</u>		2.727.665.902	2.727.665.902
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.19 Trích Sổ cái TK 635

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
UÔNG BÍ**

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường
Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng
Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2016
Tên tài khoản: Chi phí tài chính
Số hiệu: 635

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	
...	...	...	...	...	...
PC 367	21/03/2016	Chi trả lãi vay t3	112	10.483.290	
	...	...	...	...	...
PC460	15/11/2016	Chi trả lãi vay t1 l	112	5.720.000	
...	...	...	...	...	
PKT 44	31/12/2016	Kết chuyển chi phí tài chính	911		3.712.614.145
-	-	<u>Cộng số phát sinh</u>		3.712.614.145	3.712.614.145
-	-	<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

2.2.6 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác

2.2.7 Thực trạng công tác kế toán chi phí khác

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác

2.2.8 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái TK 911, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có của TK 911 thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh bị thua lỗ. Kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421:

Nợ TK 421

Có TK 911

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có của TK 911 thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

Thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 – SPS bên Nợ TK 911

Thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – “Lợi nhuận sau thuế”:

Nợ TK 911

Có TK 421

2.2.9.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Phiếu kế toán

2.2.9.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- ✓ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- ✓ TK 821: Chi phí thuế TNDN

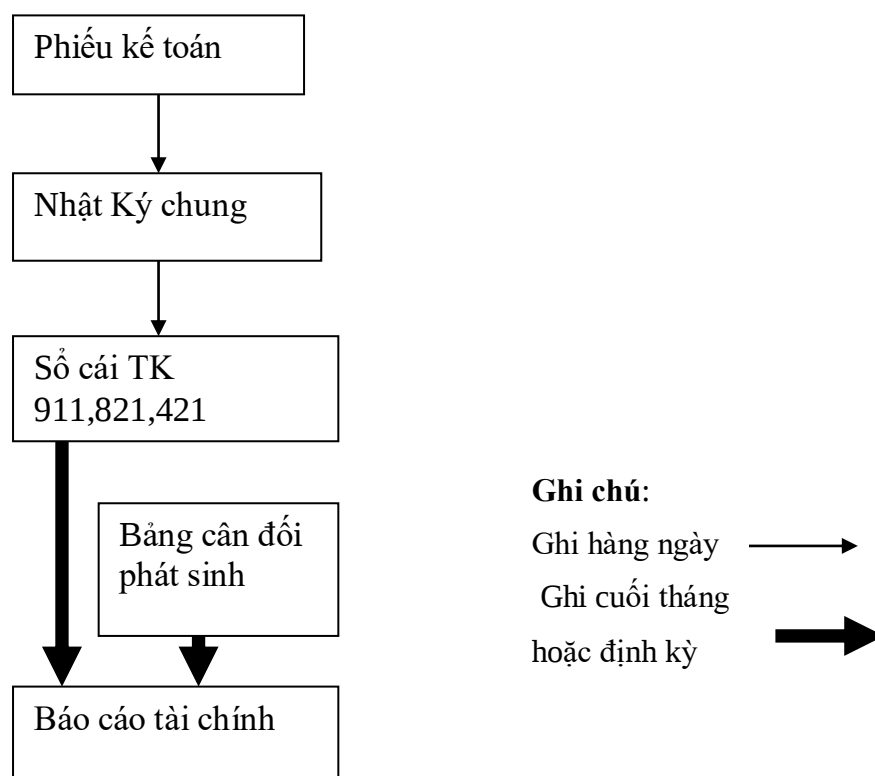
2.2.9.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 911, 421, 821

2.2.9.4 Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Đề hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Xác định kết quả kinh doanh kế toán công ty hạch toán theo quy trình (**Sơ đồ 2.9**) sau:



Sơ đồ 2.8 : Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Ví dụ 7: Ngày 31/12/2016 kế toán công ty tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 và xác định kết quả hoạt động kinh năm 2016

Khóa luận tốt nghiệp

Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	91.642.913.694
+ Giá vốn hàng bán:	84.816.108.448
+ Chi phí tài chính	3.712.614.145
+ Chi phí quản lý kinh doanh:	3.089.875.232
+ Doanh thu hoạt động tài chính:	2.727.665.902
Φ Tổng phát sinh bên Có TK 911:	
KC Doanh thu BH và CCDV:	91.642.913.694
KC Doanh thu hoạt động tài chính:	2.727.665.902
Tổng	<u>94.370.579.596</u>

Φ Tổng phát sinh bên Nợ TK 911:

KC Giá vốn hàng bán:	84.816.108.448
KC Chi phí tài chính	3.712.614.145
KC Chi phí quản lý kinh doanh:	<u>3.089.875.232</u>
Tổng	91.618.597.825

$\Phi \text{ Thu nhập chịu thuế} = 94.370.579.596 - 91.618.597.825 = 2.751.981.771$

$\Phi \text{ Thuế TNDN phải nộp} = 2.751.981.771 \times 20\% = 550.396.354$

$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = 2.751.981.771 - 550.396.354 = 2.201.585.417$

Sau khi xác định lãi, kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang tài khoản 421

Biểu 2.20 – Phiếu kế toán số 43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 43

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	KC doanh thu bán hàng và cung cấp dv	511	911	91.642.913.694
2	KC doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.727.665.902
	Cộng			94.370.579.596

Bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ ba trăm bảy mươi triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm chín sáu đồng.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.21 – Phiếu kế toán số 44

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 44

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	KC Giá vốn hàng bán	911	632	84.816.108.448
2	KC chi phí tài chính	911	635	3.712.614.145
3	KC chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	3.089.875.232
	Cộng			91.618.597.825

Bằng chữ: chín mươi một tỷ sáu trăm mười tám triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm hai năm đồng

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.22 – Phiếu kế toán số 45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 45

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	KC Chi phí thuế TNDN	911	821	550.396.354
2	KC chi Lãi năm 2016	911	4212	2.201.585.417
	Cộng			2.751.981.771

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm năm bảy đồng

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ
Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung, Thành
phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày/ Tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2016	PKT43	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	511	91.642.913.694	
				911		91.642.913.694
31/12/2016	PKT43	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515	2.727.665.902	
				911		2.727.665.902
31/12/2016	PKT44	31/12/2016	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	84.816.108.448	
				632		84.816.108.448
31/12/2016	PKT44	31/12/2016	Kết chuyển chi phí tài chính	911	3.712.614.145	
				635		3.712.614.145
31/12/2016	PKT44	31/12/2016	Kết chuyển chi phí QLKD	911	3.089.875.232	
				6422		3.089.875.232
31/12/2016	PKT45	31/12/2016	Xác định chi phí thuế TNDN	821	550.396.354	
				3334		550.396.354
31/12/2016	PKT45	31/12/2016	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	550.396.354	
				821		550.396.354
31/12/2016	PKT45	31/12/2016	Kết chuyển LNST	911	2.201.585.417	
				4212		2.201.585.417
			Cộng			

Số này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.23: Trích sổ Nhật ký chung năm 2018

Biểu 2.24 Trích Sổ cái TK 911

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
UÔNG BÍ**

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang
Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2016
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu: 911

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
PKT43	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	511		91.642.913.694
PKT43	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515		2.727.665.902
PKT44	31/12/2016	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	84.816.108.448	
PKT44	31/12/2016	Kết chuyển chi phí tài chính	635	3.712.614.145	
PKT44	31/12/2016	Kết chuyển chi phí QLKD	6422	3.089.875.232	
PKT45	31/12/2016	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	550.396.354	
PKT45	31/12/2016	Kết chuyển LNST	421	2.201.585.417	
		<u>Cộng số phát sinh</u>		94.370.579.596	94.370.579.596
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.25 Trích Sổ cái TK 821

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
UÔNG BÍ**

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường
Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng
Ninh

Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi Phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	
PKT45	31/12/2 016	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	550.396.354	
PKT45	31/12/2 016	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		550.396.354
-	-	<u>Cộng số phát sinh</u>		550.396.354	550.396.354
-	-	<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.26 Trích Sổ cái TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

Số 513 tầng 4 tòa nhà Sông Sinh, phường Quang Trung,

Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701677134

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	1.794.935.471
PKT45	31/12/2016	Kết chuyển LNST	911		2.201.585.417
-	-	<u>Cộng số phát sinh</u>		-	2.201.585.417
-	-	<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	3.996.520.888

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Công ty)

Biểu 2.27 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

C.TY CP ĐT XÂY DỰNG UÔNG BÍ
Quang Trung-Uông Bí- Quảng Ninh

Mẫu số B02-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐBTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
	(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dv	01	IV.08	91.642.913.694	66.756.695.773
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		91.642.913.694	66.756.695.773
4	4. Giá vốn hàng bán	11		84.816.108.448	60.792.754.095
5	5. Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.826.805.246	5.963.941.678
6	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.727.665.902	2.544.266.451
7	7. Chi phí tài chính	22		3.712.614.145	3.187.309.036
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.352.143.644	2.080.365.600
	- Chi phí m, y liên doanh			1.360.470.501	1.106.943.436
8	8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		3.089.875.232	2.962.057.884
9	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		2.751.981.771	2.358.841.209
10	10. Thu nhập khác	31		0	0
11	11. Chi phí khác	32		0	0
12	12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(212.928.314)	(34.960.671)
13	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	2.539.053.457	2.323.880.538
14	14. Chi phí thuế TNDN	51		550.396.354	528.945.067
15	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.201.585.417	1.794.935.471

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UÔNG BÍ

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí

Công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Với nhu cầu ngày càng cao và sự đòi hỏi khắt khe của thị trường, phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp, công ty kinh doanh trong cùng lĩnh vực khác. Qua nhiều năm hình thành và phát triển với sự phấn đấu vươn lên không ngừng nghỉ công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí đã chứng minh được vị thế của mình trên thị trường và trong ngành xây dựng. Hiện nay với sự quản lý chặt chẽ về chất lượng sản phẩm và phương thức marketing phù hợp công ty đã tạo dựng được niềm tin vững chắc trong khách hàng. Thành quả đó được thể hiện thông qua lợi nhuận của công ty ngày càng tăng cao và quy mô của công ty ngày càng được mở rộng.

Để đạt được những thành tựu trên phải kể đến công sức lao động của cán bộ công nhân viên toàn công ty nói chung và đặc biệt là phòng kế toán tài chính nói riêng đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong thành tựu chung mà công ty đã đạt được trong thời gian qua. Nhìn chung bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty, thực hiện hiệu quả công việc và nhiệm vụ được giao.

3.1.1 Ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí

- Về công tác quản lý:
 - + Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
 - + Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng, nhanh chóng.
- Về tổ chức chứng từ kế toán:
 - + Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng mẫu qui định của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ và chính xác theo đúng chứng từ. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ. Các kế toán ở phần hành nào thì lưu chứng từ liên quan đến phần hành đó nên đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

- Về hệ thống tài khoản kế toán:

+ Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Thông tư Quyết định 48/2006- QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành và thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung.

- Về hình thức tổ chức sổ sách kế toán:

+ Công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán là hình thức nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức sổ này của công ty đã giảm nhẹ được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, việc ghi chép vào các sổ kế toán có liên quan rất rõ ràng và được đối chiếu số liệu dần đều trong tháng tạo điều kiện thuận lợi cho báo cáo kế toán cuối kỳ kinh doanh được lập kịp thời.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.

- Về công tác hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty

+ Công tác hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty được tổ chức khá tốt. Doanh thu của từng bộ phận hoạt động được phản ánh chi tiết trên sổ sách kế toán, cách làm như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nắm vững tình hình khả năng hoạt động tham gia vào thị trường đầu tư và xây dựng của từng bộ phận hoạt động của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2 Nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí

Bên cạnh những ưu điểm kể trên thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí còn tồn tại một số những nhược điểm sau

- Tồn tại về việc sử dụng phần mềm kế toán trong hạch toán:

+ Việc sử dụng sổ sách kế toán trong công ty hiện nay chưa được thống nhất. Việc kế toán ở công ty vừa thực hiện bằng tay vừa thực hiện bằng máy. Do vậy, đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu và việc kiểm tra đối chiếu cũng gặp khó khăn. Đặc biệt công ty vẫn chưa có hệ thống mạng nội bộ nên khi giám đốc hoặc các phòng ban muốn nắm bắt được số liệu thì phải trực tiếp đến phòng kế toán.

- Tồn tại về việc hạch toán một số khoản mục chi phí như:

+ Việc loại bỏ các tài khoản trong quá trình hạch toán chi phí trực tiếp như chi phí vật liệu phụ, tiền ăn ca, BHYT, thuế tài nguyên, phí môi trường... kế toán đang hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp – TK 642. Theo quy định của

chế độ đã có ảnh hưởng không nhỏ đến nội dung báo cáo kết quả kinh doanh còn nhiều điều chưa phù hợp đã làm cho giá thành sản phẩm xây dựng này có sự thay đổi. Đồng thời do lĩnh vực hoạt động của công ty mang tính đơn thuần là cung cấp sản phẩm xây dựng cho nên giá vốn sản phẩm cung cấp cho khách hàng cũng chính là toàn bộ chi phí trực tiếp có liên quan mà công ty đã bỏ ra. Do vậy, toàn bộ số phát sinh trên tài khoản 154 đều được kết chuyển sang tài khoản 632 - Giá vốn dịch vụ bán hàng trong kỳ.

+Các khoản chi phí về quảng cáo tham gia hội chợ được kế toán tổng hợp vào tài khoản 642. Kế toán hạch toán như vậy là không hợp lý với nội dung và qui định của tài khoản 642.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí

3.2.1 Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Ưông Bí luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Việc hoàn thiện phải được bắt đầu từ các khâu:

- Hạch toán ban đầu dẫn đến kiểm tra thông tin trong chứng từ .
- Tổ chức luân chuyển chứng từ.
- Vận dụng Tài khoản kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức cung cấp thông tin cho đối tượng sử dụng bằng cách lập các BC kế toán.

- Tổ chức công tác phân tích doanh thu và kết quả bán hàng tại công ty.

Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí, ta thấy Công ty đã vận dụng đúng quy định của chế độ kế toán đối với loại hình doanh nghiệp thương mại từ công tác hạch toán ban đầu đến ghi sổ nghiệp vụ và lập báo cáo kết quả kinh doanh. Mặc

dù vậy, bên cạnh những ưu điểm vẫn còn tồn tại một số hạn chế mà theo tôi cần được khắc phục để hoàn thiện hơn nữa phần hành kế toán này của công ty.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí

Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách hiệu quả thì việc hoàn thiện phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau:

➤ Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành. Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý, điều hành, kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật, các biện pháp hành chính và các công cụ quản lý kinh tế. Mặc khác kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước quản lý. Vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ các tài khoản sử dụng, chuẩn mực, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán hay lập báo cáo.

➤ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

➤ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí. Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao thì càng chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, hoạt động kinh tế phát triển, nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

➤ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý. Công tác kế toán có nhiệm vụ cơ bản là cung cấp các thông tin kinh tế cho các nhà lãnh đạo để từ đó có thể ra các quyết định cho sự hoạt động và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, thông tin cung cấp không những phải hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo luân chuyển số liệu giữa các phần hành của kế toán có sự liên kết, dễ dàng, tiện lợi cho việc kiểm tra mà còn đòi hỏi phải có trình độ chính xác cao, có tính cập nhật, nhanh chóng, kịp thời phục vụ tốt cho mục đích quản lý công tác kế toán trong công ty. Đặc biệt là trong điều kiện hiện nay khi nền kinh tế với sự bùng nổ thông tin và sự cạnh tranh gay gắt thì yêu cầu này ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí

- Qua quá trình tìm hiểu công tác hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh thấy được quá trình hoạt động kinh doanh của công ty có nhiều phần làm rất tốt bên cạnh đó còn có một số yếu kém vẫn tồn tại trong công ty trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế của công ty cũng như vận dụng những lý luận em được học khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Để công ty hoạt động kinh doanh được tốt và có hiệu quả cao hơn công ty phải phát huy và có nhiều biện pháp khắc phục những nhược điểm để giải quyết mọi vấn đề còn tồn tại trong công ty. Em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí như sau:

➤ Kiến nghị 1: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán AMIS.VN

Về việc sử dụng phần mềm kế toán Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán cho thống nhất nhanh gọn, chính xác và mất ít thời gian, giảm bớt áp lực cho nhân viên kế toán. Hệ thống sổ sách nên xây dựng chi tiết hơn để dễ dàng hơn cho những bộ phận khác hoặc những người không trực tiếp làm công tác này có thể tiếp cận và xem xét. Khi mở rộng kinh doanh, số lượng chứng từ và số liệu kế toán sẽ tăng lên, công ty nên sử dụng mạng nội bộ để tiện lợi hơn trong việc luân chuyển số liệu giữa các bộ phận khi cần thiết ví dụ như phần mềm AMIS.VN phần mềm đã có một số nghiệp vụ đặc thù phục vụ cho công tác quản trị tài chính kế toán của doanh nghiệp xây lắp và xây dựng:

❖ Quản lý giá thành theo công trình

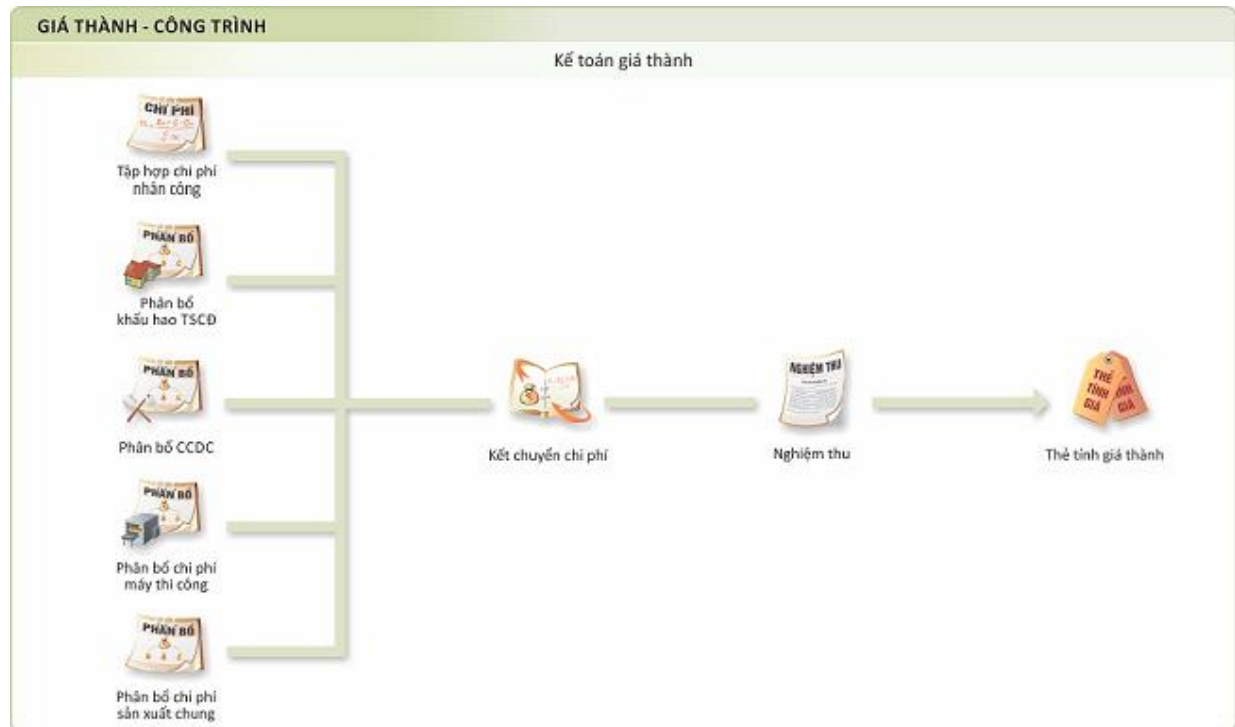
Phần mềm AMIS.VN hoàn toàn đáp ứng cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành cho các doanh nghiệp xây lắp và xây dựng công trình, các bước thực hiện trên phần mềm như sau:

- Tập hợp các chi phí trực tiếp: Kế toán chỉ cần nhập liệu một lần, phần mềm sẽ tự động tổng hợp các khoản chi phí trực tiếp cho từng công trình, từng hạng mục chi tiết bên trong và kế toán chỉ cần kiểm tra lại số liệu trước khi tính giá thành.

- Phân bổ chi phí gián tiếp: Các chi phí chung phát sinh trong xây dựng rất đa dạng và phức tạp, chính vì vậy AMIS.VN cho phép thiết lập các định mức phân bổ nhằm giúp kế toán dễ dàng theo dõi việc phân bổ các khoản chi phí đến từng công trình, từng hạng mục cụ thể...

- Đánh giá sản phẩm dở dang và nghiệm thu công trình: Sau khi đã thực hiện xong việc tập hợp và phân bổ chi phí phân mềm sẽ tự động tính ra giá thành cho từng công trình.

Bên cạnh đó, AMIS.VN còn cho phép theo dõi chi phí thầu phụ, đây cũng là một loại chi phí đặc thù trong xây dựng. Chi phí này phát sinh khi doanh nghiệp thuê ngoài thi công một phần công trình.



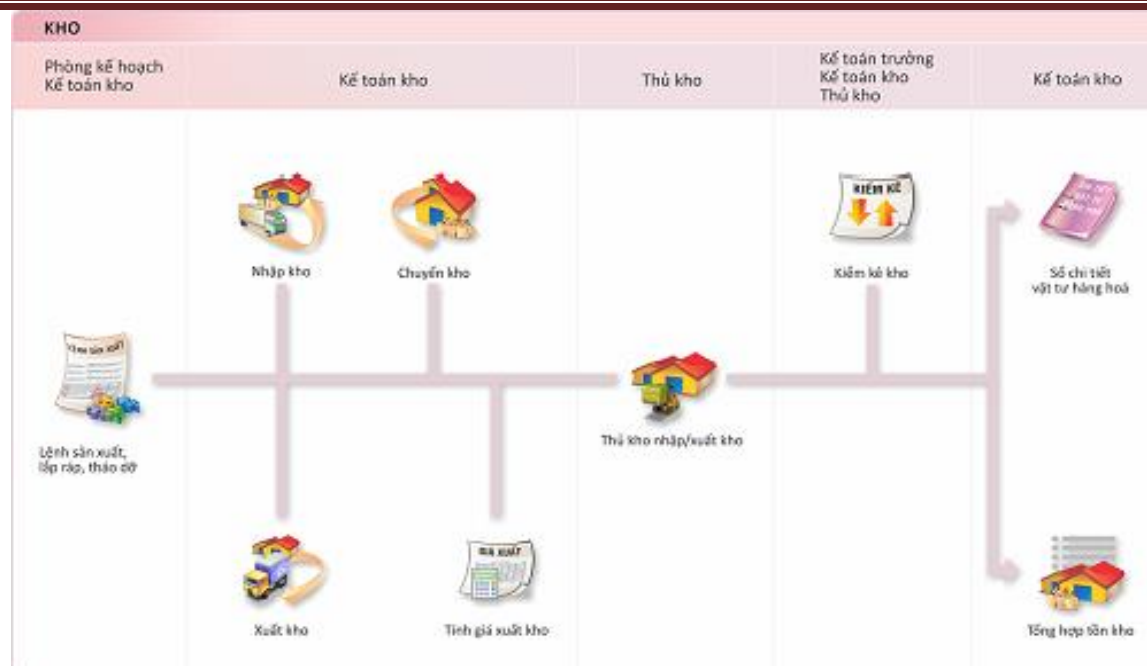
❖ Quản lý hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu trong ngành xây dựng thường xuất thẳng đến công trình không qua kho, tính vào chi phí nhưng vẫn theo dõi tồn kho tại từng công trình, theo dõi điều chuyển vật liệu giữa công trình này với công trình khác hoặc vật liệu thừa thiếu giữa các công trình cần kiểm soát. AMIS.VN không chỉ cho phép quản lý nguyên vật liệu xuất thẳng đến công trình mà còn quản lý nguyên vật liệu xuất qua kho.

- Cho phép quản lý các chứng từ nhập kho/xuất kho vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ, thành phẩm

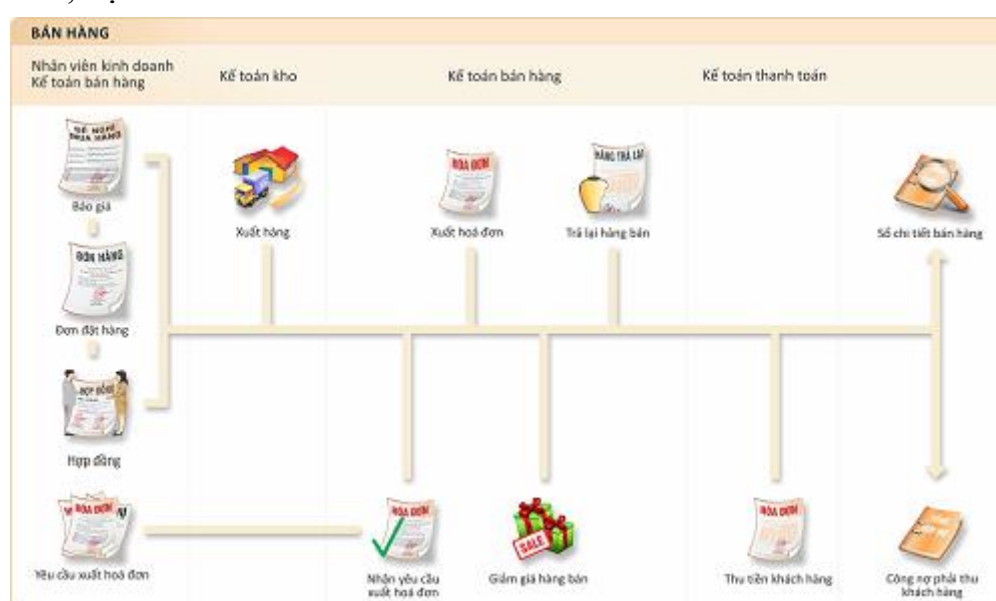
- Hệ thống hỗ trợ việc xuất kho theo định mức nguyên vật liệu

Cho phép tính giá xuất kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm theo nhiều phương pháp



❖ Quản lý công nợ theo công trình, hợp đồng

- Ngành xây dựng có nhiều nhà cung cấp các loại vật liệu, nhiên liệu, dịch vụ phục vụ cho hoạt động xây lắp. Do vậy, AMIS.VN cho phép người sử dụng theo dõi công nợ của từng nhà cung cấp, theo dõi công nợ của một nhà cung cấp nhiều dịch vụ cùng lúc cho công trình, hợp đồng.
- Khách hàng phong phú (chủ đầu tư đặt hàng công trình, các khách hàng mua lẻ công trình do công ty tự đầu tư xây dựng...), giá trị hợp đồng lớn, quá trình thanh toán kéo dài trong nhiều năm cho nên AMIS.VN hỗ trợ việc quản lý công nợ của ngành xây dựng theo tiến độ thanh toán, theo đợt thanh toán, theo công trình, dự án...



❖ **Quản lý lãi/lỗ theo từng công trình, hợp đồng**

- Do hoạt động đặc thù của các doanh nghiệp xây dựng nên việc quản lý lãi/lỗ theo từng công trình hay hợp đồng diễn ra khá phức tạp và đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng... Vì vậy, AMIS.VN cho phép theo dõi các khoản chi chi phí cụ thể theo từng công trình, hợp đồng. Với tiện ích này, kế toán viên sẽ không mất nhiều thời gian để tính toán số liệu, chỉ cần nhập liệu một lần và cuối kỳ vào xem báo cáo, các nhà Quản lý cũng dễ dàng kiểm soát được tình hình sức khỏe của doanh nghiệp, và cho các quyết định nhanh chóng và hiệu quả.



❖ Ngoài ra, AMIS.VN còn cho phép

- Theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng
- Theo dõi các hợp đồng, dự án theo doanh số, công nợ
- Quản lý các hợp đồng theo dự án
- Theo dõi các khoản dự kiến chi cho hợp đồng bán, dự án

❖ Ngoài ra, AMIS.VN còn có các tính năng khác đáp ứng nhu cầu và đặc trưng doanh nghiệp xây dựng:

- Quản lý hồ sơ công trình
- Quản lý tài sản cố định, khấu hao tài sản
- Quản lý hoạt động đầu tư xây lắp

- Quản trị dòng tiền

➤ Kiến nghị 2: Công ty nên mở sổ chi tiết về chi phí quản lý doanh nghiệp để quản lý chi phí của từng bộ phận xác định lợi nhuận của doanh nghiệp

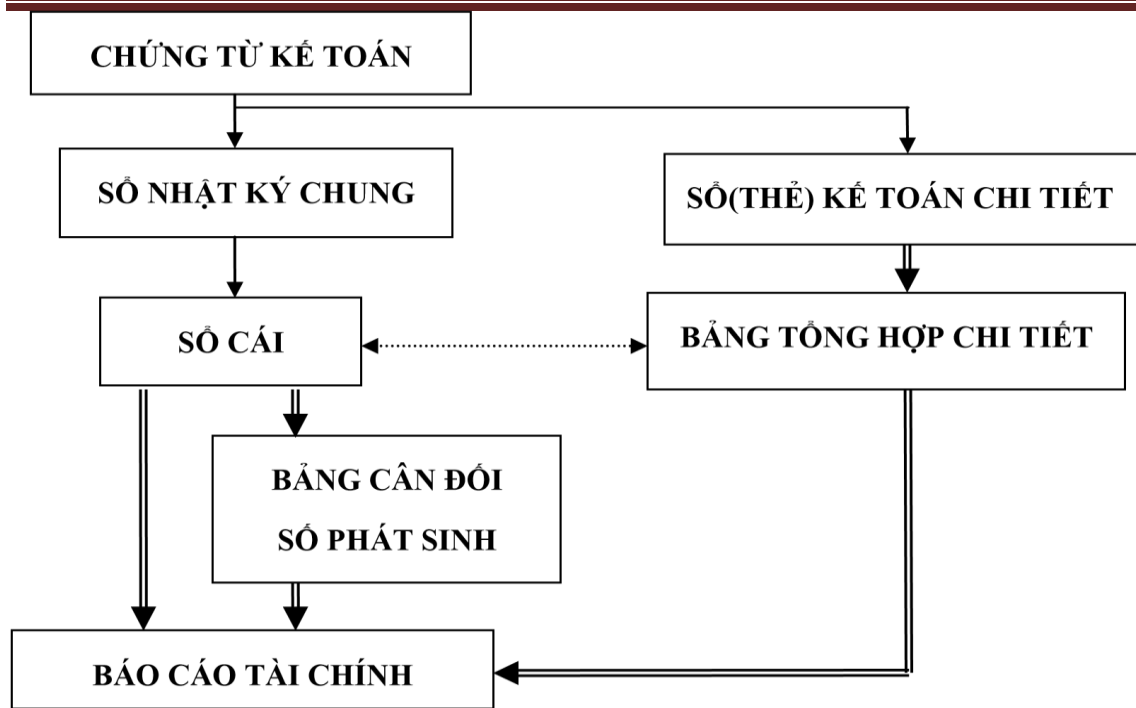
Kế toán công ty cần phải hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ một cách chính xác và hợp lý hơn. Trong quá trình tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty hiện nay là chưa đúng với chế độ kế toán hiện hành.

+ Đối với chi phí có liên quan đến bộ phận bán hàng như chi phí quảng cáo, chi phí tham gia hội chợ. .. công ty đã hạch toán vào tài khoản TK 6422 là chưa hợp lý. Với các khoản nói trên công ty phản ánh vào TK 6421 - chi phí bán hàng để tập hợp các khoản chi phí đó.

+ Đối với phần chi phí tiền lương, tiền ăn ca, ăn trưa... và các khoản trích theo lương của cán bộ nhân viên trực tiếp hoặc phần lương và các khoản trích theo lương của cộng tác viên bên ngoài hoạt động nên được hạch toán vào TK1542 - chi phí nhân công trực tiếp (tập hợp kết chuyển vào tài khoản TK 632 – chi phí giá vốn). Còn phần lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận bộ máy quản lý của công ty mới tập hợp vào TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Tại công ty hiện nay chi phí quản lý doanh nghiệp so với tổng chi phí phát sinh trong kỳ chiếm một tỷ lệ lớn, có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng kinh doanh của công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán kế toán, công ty chỉ mới ghi Sổ cái em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác hơn.

Sơ đồ minh họa trình tự ghi sổ kế toán khi lập thêm Sổ chi tiết:



Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú:

Quan hệ đối chiếu ←.....→

Ghi cuối kỳ ==>

Ghi hàng ngày —>

Công ty : CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí

Đ/C: 513 Quang Trung, tp Ưông Bí, tỉnh Quảng

Ninh

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài Khoản:

Tên đội thi công:

Tên công trình:

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	Các yếu tố chi phí						
Số hiệu	Ngày tháng				Nhân công	Vật liệu	Công cụ dụng cụ	Khấu hao TSCĐ	Chi phí bảo hành	Dịch vụ mua ngoài	Khác
		TỔNG SPS									

Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty : CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí
Đ/C: 513 Quang Trung, tp Ưông Bí,
tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ TỔNG HỢP CHI PHÍ

Quý:

Diễn giải	Khoản mục chi phí								Tổng
	CP hỗ trợ XD	CP Quảng cáo	CP đào tạo	CP dịch vụ chuyên tiền	CP hành chính	Khấu hao	Lương .	...	
Cộng chi phí: Phân bổ									
- HĐ đầu tư XDCB									
- HĐ xây dựng dân dụng									

Biểu số 3.3 – Bảng kê tổng hợp chi phí

➤ Kiến nghị 3: Công ty nên tìm cách đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu

Hiện nay tình hình tài chính của công ty cho thấy hiện nay khoản nợ phải thu ngắn hạn của công ty tính đến 31/12/2016 là **104.005.427.204** chiếm tới 71% tổng tài sản ngắn hạn đây là một con số khá lớn. Điều này ảnh hưởng lớn đến tình hình quay vòng vốn của doanh nghiệp.

Để đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu nhanh chóng công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí nên áp dụng một số giải pháp như sau:

Một là, tăng cường tổ chức quản trị khoản phải thu của khách hàng: Phải đảm bảo phân công rõ ràng, bố trí nhân sự hợp lý cho việc đôn đốc, theo dõi thu hồi nợ trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có.

Hai là, áp dụng các chính sách và hình thức điều khoản hợp lý: Trong mỗi hợp đồng kinh tế, công ty cần soạn thảo một chính sách thanh toán rõ ràng để hạn chế những vấn đề phát sinh về nợ của khách hàng, yêu cầu khách hàng ký thỏa thuận, quy định về việc thanh toán nợ và nêu rõ mức phạt nếu khách hàng thanh toán chậm; nên tính lãi phạt cho những hóa đơn thanh toán trễ hạn nhằm khuyến khích khách hàng thanh toán đúng kỳ hạn. Cách tốt nhất để hạn chế rủi ro từ nợ là cẩn trọng hơn trong việc đặt ra tiêu chuẩn, điều khoản cũng như thời hạn trả chậm. Tiêu chuẩn xét trả chậm nên dựa trên mức vốn, khả năng trả nợ, uy tín, thông tin về tín dụng của khách nợ trong quá khứ...

Ba là, thường xuyên theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý khoản nợ phải thu của khách hàng: Việc theo dõi thường xuyên các khoản nợ phải thu giúp cho công tác quản lý nợ được thuận lợi, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra khi cần thiết từ đó cung cấp thông tin kịp thời cho việc ra quyết định

Bốn là, áp dụng triệt để các hình thức thu nợ: Để nâng cao hiệu quả thu hồi nợ phải thu, các công ty nên đa dạng các hình thức thu nợ như: gửi thu, gọi điện nhắc nhở, đòi nợ trực tiếp, ủy quyền cho các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng tiến hành các thủ tục pháp lý thu hồi nợ, sử dụng dịch vụ thu hồi nợ của các công ty.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí” đã giải quyết được những vấn đề sau:

➤ **Về mặt lý luận :** Đưa ra được những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

➤ **Về mặt thực tiễn:**

Đề tài đã phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí

Sử dụng số liệu thực tế năm 2016 của công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí chứng minh cho các lập luận nêu trên

➤ **Về kiến nghị:** Đề tài đã nêu lên một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí

-Ý kiến thứ nhất : Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA

-Ý kiến thứ hai: Công ty nên mở sổ chi tiết về chi phí quản lý doanh nghiệp để quản lý chi phí của từng bộ phận xác định lợi nhuận của doanh nghiệp

-Ý kiến thứ ba: Công ty nên tìm cách đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths.Lê Thị Nam Phương và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em rất mong có sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin trân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong công ty CP Đầu tư xây dựng Uông Bí đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này !

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2019

Sinh viên thực tập

Phạm Thị Hòa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Quyết định 48/2006/QĐ - BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính.
4. Tài liệu kế toán của Công ty CP Đầu tư xây dựng Ưông Bí năm 2016.
5. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.